

trước mùa mưa bão

truyện vừa

trần nhuận minh



Rạng Đông xuất bản

trần nhuận minh

trước mùa mưa bão

truyện vừa



Rạng Đông xuất bản

TRƯỚC MÙA
MƯA BÃO
Truyện vừa

* Giải Nhất - *Hội Nhà văn Việt Nam và Ủy ban Thiếu niên Nhi đồng Trung ương* (1976 -1979)

* Giải A - *Nhà xuất bản Kim Đồng* (1979 - 1980)

Văn bản này in nguyên văn bản in lần thứ Hai,
năm 1995, của Nhà xuất bản Kim Đồng
(với Lời Giới thiệu của nhà văn Ma Văn Kháng)
có sửa chữa một số câu chữ
so với bản in lần thứ Nhất năm 1980.

Hà Nội, tháng 4 năm 2021

Rạng Đông xuất bản

Copyright © Tác giả và Rạng Đông giữ Bản quyền



Rạng Đông
phát hành

MỤC LỤC

TIẾNG BÚA NGHE NHƯ TIẾNG KHÁNH BẠC

ÔNG TÔI

Chương II

CỨ ĐƯA ĐƯỢC MÁY XÚC
XUỐNG SÂU DƯỚI KHÔNG
LÀ MỎ CHÚNG TA SẼ CÓ TẤT CẢ
CHƯƠNG KHÔNG ĐÁNH SỐ

Chương III

ÔNG TƯ ĐẶC - CÔNG VIỆC
ĐÃ BẮT ĐẦU RỒI

Chương IV

TRONG VÒNG CUNG HÌNH PHỄU -
KỸ SƯ TRƯỞNG CƠ ĐIỆN

Chương V

CƠN MƯA ĐẾN SỚM -
TÌNH HÌNH RẤT NGUY -
BỐ TÔI VÀ ÔNG TƯ MÁY XÚC

Chương VI

NHỮNG CÔNG VIỆC SAU CƠN MƯA -
TÔI THÀNH NGƯỜI NỘI TRỢ -
CHUYỆN TRONG GIA ĐÌNH
CHƯƠNG KHÔNG ĐÁNH SỐ
CHƯƠNG TIẾP KHÔNG ĐÁNH SỐ

Chương VII

ĐÊM THÁNG TƯ Ở TRẠM VẮY ĐẦU ĐƯỜNG -
CÔNG TRƯỜNG BƠM DƯỚI MỰC NƯỚC BIỂN

Chương VIII

NGÀY CHỦ NHẬT -
CHUYỆN CHẴNG CÓ GÌ QUAN TRỌNG

Chương IX

PHÀ BƠM ĐÃ NỔ RỒI -
MỘT NGƯỜI THỢ THỰC SỰ
CHƯƠNG KHÔNG ĐÁNH SỐ

PHỤ LỤC

NƠI NGỌN LỬA THAN
ĐÃ CHÁY LÊN



Nhà thơ **Trần Nhuận Minh** (1944)

TIẾNG BÚA NGHE NHƯ TIẾNG KHÁNH BẠC

MA VĂN KHÁNG

Ông là thợ gò hàn giỏi, tốt bậc 7/7. Bàn tay ông cứng, ram ráp như vẩy cá. Mỗi ngón tay đều cộm một nốt sần. Ông nói: *Suốt đời ông chẳng biết học là gì. Vì thế, trí khôn của ông, nằm ở những nốt sần ấy. Những nốt sần ấy, nó biết nghĩ đấy.* Tự hào về mình vậy, thế mà một ngày kia, khi vào công việc thử thách, so chiếu mình với thế hệ trẻ, được học hành chu đáo, người thợ già nọ phải thất vọng kêu trời rằng, những *nốt sần - trí khôn* ấy, nó đã *phản* ông. Và hệ luận ông rút ra để dạy cháu là: Phải học!

Tôi ngờ rằng, những *nốt sần - trí khôn* của tác giả này, là ở nhân vật *Ông tôi*, cùng chi tiết trên. Và đã 15 năm, kể từ lần đọc đầu tiên, tôi vẫn nhớ như một ám ảnh, cái gia đình năm người thợ mỏ, ông Tư Đặc và một loạt chân dung thợ mỏ đặc hiệu, cùng câu chuyện làm ăn một cách hào hứng và tự nhiên của họ.

Thật là hào hứng và tự nhiên, cái công việc làm phà nổi, một biện pháp kĩ thuật để khai thác than ở độ sâu dưới mặt nước biển. Nó, chính nó là cái trục chính, tạo nên mối liên hệ giữa các nhân vật, tuy đã có gắn bó trong quan hệ gia đình. Nó cũng là nơi để con người bộc lộ nhân cách mình. Chuyện nói về sản xuất than mà nhân vật không bị vùi lấp trong than, đất. Từ anh kĩ sư, bác lái máy xúc, đến cô vẩy dầu đường, người lái bò tót, bác thợ già đã về hưu, thậm chí cả một người thợ nổ mìn đã mù đặc hai mắt... Mỗi người một vẻ, một kiểu cách, nhưng thấy đều như trong một cơ chế bấm sinh, lo toan công việc chung một cách cực kì hồn nhiên, trong trẻo. Truyện thật trong lành mà không dễ dãi. Bình dị, chân phương về hồn cốt, mà tinh tường, chặt lọc. Tôi nhớ những câu văn rất kiệm lời, mà có sức vang hưởng của tác giả. Và khi đọc truyện này lần đầu, tôi đã nghĩ, nó sẽ còn được tìm đọc.

Quả nhiên, cuốn sách sau khi chiếm giải Nhất cuộc vận động sáng tác văn học nghệ thuật cho thiếu nhi của Ủy ban Thiếu niên Nhi đồng Trung ương và Hội Nhà văn Việt Nam (1976 - 1979), tiếp tục được sự tìm đọc nhiệt tình của bạn đọc gần xa. Nó đã được dịch ra tiếng Anh,

Pháp, Nga, Tây Ban Nha... Thú vị nữa là nó đã được trích đoạn in trong sách giáo khoa lớp 3, 4, cho đến tận hôm nay.

Nâng cuốn sách trên tay, lần giở từng trang trân trọng, không còn nhớ đến cái thời điểm, bối cảnh nó đã ra đời là 15 năm cách đây, cũng không còn vương vất tí chút nào về cái vẫn được gọi là *khu vực đề tài*, nghĩa là *chỉ còn ta và cuộc đời, với những con người sống động trên trang sách, ta càng thấy nó đúng là cái còn lại, đáng còn lại sau thời gian*.

Tiếng xe đi như luồng gió thổi.

Hàng ngàn cây thông đã thấp lên hàng vạn ngọn nến trang trọng và trầm tĩnh.

Tiếng búa nghe như tiếng khánh bạc...

Tôi yêu những câu văn giàu hình ảnh, cảm xúc, của nhà thơ - tác giả. Nhiều khi thật buồn, đọc cả một cuốn sách dày, mà chẳng nhặt được một câu thích thú nào...

ÔNG TÔI

Ông tôi đứng sững ở giữa nhà, đưa bàn tay to bè lên vuốt mũi. Đó là dấu hiệu ông tôi sắp nổi giận. Tôi đã quen với điều ấy từ mười ba năm nay như quen cây giâu gia trước nhà, lá trùm rợp hàng hiên. Thế nào ông tôi cũng "e hèm", "e hèm" vài tiếng. Rồi sau đó, có trời mà biết, ông tôi sẽ quát lên điều gì. Tiếng ông rất to. Nghe bố tôi kể, thì ông vốn là một thợ gò hàn vào loại giỏi. Chính mắt tôi đã trông thấy ông chui vào trong nồi hơi xe lửa, tán đinh đồng. Cái nồi hơi tròn to, phơi bóng rất dưới nắng tháng bảy, như cái lò bánh mì, nóng đến khủng khiếp. Trước mặt ông, cái quạt máy cao lênh khênh, quạt tới cấp bảy, gió thổi như bão, vậy mà tóc ông cứбет chặt vào trán. Ông tôi nện búa vào đầu đinh đồng mới dòn dập làm sao. Tay búa hoa lên, nhát đậm, nhát mờ, nhát nghiêng, nhát thẳng, chính xác và nhanh đến mức, tôi chỉ mơ hồ cảm thấy trước mặt ông, phát phơ bay những sợi tơ mỏng. Còn tiếng búa thì oang oang, đinh tai, nhức óc, đi xa hàng mấy trăm mét cũng nghe thấy. Có lẽ vì sống trong những âm thanh luôn luôn náo động chát chúa như thế, nên ông quen nói to. Còn đã quát thì khỏi phải nói. Tôi đã quen với tiếng quát ấy, từ mười ba năm nay, như quen tiếng mìn nổ trên công trường.

- E hèm...

Tôi lướt nhanh trong đầu một bản tự kiểm điểm. Từ sáng qua, đến lúc này, tôi không làm điều gì sai trái. Tôi đi học đến nơi, về học đến chốn. Các môn học của tôi đều đạt điểm trên trung bình. Câu hỏi vật lý thầy ra "hóc búa" là thế, vậy mà tôi trả lời cứ trôi veo veo. Bạn tôi là thằng Cường, đã chả nói với bạn bè rằng, nó phục tôi sát tà vệt là gì.

- E hèm...

Tôi gánh đầy thùng phuy nước. Trồng được một cây chuối. Có thể, khi lấy cuốc đánh cây non, tôi vô ý làm đứt nhiều rễ quá. Lại lẹm cả vào củ. Tại thằng Cường lúc ấy đến chơi, cứ luôn mồm nói về chim. Nó là tay rất sành về chim, nhất là chim sẻ...

- E hèm... - Tiếng ông bỗng to lên - Mà vừa quét nhà, rồi quét luôn mắt của tao một tờ giấy, phải không?

- Cháu không biết giấy nào?
- Giấy nào? Giấy ở trên bàn bố mày, chứ còn giấy nào?
- Cháu nhớ hình như không có tờ giấy nào trên bàn bố cháu cả.
- Sao lại hình như? Ăn nói lập lờ như vậy là không được. Tao đã bảo bao nhiêu lần rồi.

- Cháu không thấy có tờ giấy nào trên bàn bố cháu cả! - Tôi nhấn mạnh với vẻ bức dọc.

- Lạ nhỉ? Sao lại như thế được?

Câu cuối ấy, giọng ông đã dịu đi. Chắc ông bắt đầu ngờ vực mình.

- Ông dặn lại, muốn vớt đi một cái gì, phải xem xét cho kỹ. Ví như tờ giấy ấy. Nó ở trên bàn là có cái lý của nó. Không hiểu thì đừng có mà làm liều.

Ông vào buồng xếp. Sau đó, tôi nghe lục cục trong hòm gỗ thông, tiếng ê-cu, lắc-lê va nhau. Cái buồng xếp ấy, ông xây năm ngoái. Lý do xây thì thật đơn giản.

Một buổi sáng, thấy tôi ngáp dài, ông hỏi:

- Sao cháu lừ đừ như người mất số gạo thế?

- Hai ba đêm nay, cháu không ngủ được.

- Cháu đừng đọc truyện khuya quá. Ngay cả thuốc bổ, uống quá cũng còn có hại.

Tôi nói thực:

- Không phải cháu mất ngủ vì đọc truyện khuya đâu. Mà vì ông đấy.

Ông tôi động đậy cặp lông mày rậm, đốm bạc:

- Sao lại vì ông?

- Đạo này cháu thấy ông ngáy to quá. Có lúc cháu cứ tưởng như có tàu hỏa chạy qua.

Ông tôi cười, nụ cười hơi heo héo:

- Thế à? Ông già mất rồi. Ông mày già thật mất rồi, cháu ạ. Cái khoang miệng người già nó rộng nên nó mới kêu...

Thế là ông tôi xây luôn cái buồng xếp ấy. Những lúc nhà đông khách, tôi thường vào buồng ông để học bài, làm bài. Còn không thì đấy cũng là buồng ngủ ca ba của anh Tĩnh tôi. Anh tôi học hết lớp mười thì đi học nghề lái xe mở. Anh lái xe bò tốt trên công trường của bố tôi.

Tay xách cái túi vải bạt nặng trĩu, lem nhem vết dầu mỡ, ông tôi lừng lững đi ra, chẳng nói chẳng rằng.

Tôi gọi với:

- Ông ơi, trưa nay cháu có phải mang cơm cho ông không?

- Khô-ông!

- Ông báo cơm ở bếp bà Tư Máy Xúc ấy. Bà ấy vẫn bảo...
Ông đã đi khuất rồi.

Chương II

CỨ ĐƯA ĐƯỢC MÁY XÚC XUỐNG SÂU DƯỚI KHÔNG LÀ MỎ CHÚNG TA SẼ CÓ TẤT CẢ

Nhà tôi có năm người. Trừ ngày tết, ngày lễ, còn không mấy khi có đủ năm người ngồi quanh mâm cơm. Có ngày, một bữa ăn phải dọn đến ba bốn lần. Bởi ai cũng có phần việc của mình ở mỏ, và giờ nghỉ thường rất khác nhau.

Ông tôi về hưu từ hơn hai năm trước. Lúc mới nghỉ, ông bần thần cả người. Dáng ông cao to, nên trông càng vụng về, lúng túng và khổ sở. Ông luẩn quẩn đi vào đi ra, quên cái này, lẫn cái kia, gắt gỏng và khó tính đến kỳ lạ. Có lúc vui vui, ông bảo: "Hay là ông đã mắc cái bệnh lẫn thần của người già. Và như thế, chả mấy nữa mà ông sẽ đi chầu giờ".

Không có việc gì làm, ông rủ tôi ra bãi biển thuôn cá nhệch. Mỏ than của chúng tôi ở ngay bên bờ biển. Thật là lý thú được giẫm bàn chân lên cát mịn, khi nước triều vừa rút ra xa. Nghe quanh mình a a o o... rất xa, rất gần, nhưng không thể biết đích xác cái âm thanh râm ran ấy, vang lên từ đâu. Chân mình xéo bừa lên những vảy đất nhỏ li ti như tổ mối. Sau tôi mới biết, đấy là tiếng con dã tràng và tổ của con dã tràng. *Dã tràng xe cát biển Đông. Nhọc mình mà chẳng nên công cán gì.*

- A, con dã tràng đây, phải không ông?

Tôi chộp một con. Ông cười, tiếng cười vang rất sáng khoái trên bãi biển.

- Còng gió đấy. Còng gió đấy. Để ông tìm cho cháu một con dã tràng.

Tôi cầm hai con ở hai tay, xem xét. Ông giảng giải:

- Dã tràng và còng gió chắc có họ với nhau. Dã tràng tròn như hòn bi. Còn còng gió thì dài như chiếc kẹo. Cháu hãy nhìn kỹ cái còng của hai con - ông tôi chỉ, ngón tay ông to, ở các đốt, da cộm lại, trắng mốc như đóng thành vảy - Còng dã tràng đều nhau, mỏng mảnh, yểu ớt, phía trong đỏ nhờ, phía ngoài trắng nhợt. Còng còng gió màu nâu nhạt, một còng rất to, một còng rất nhỏ. Còng to là còng bên phải, chuyên để đào lỗ, bắt mồi và chống kẻ thù. Nó to và nặng bằng thân con còng. Khi bò

trên cát, cái còng to này gác lên mặt, trông như hai con còng chồng lên nhau. Còn còng bên trái teo hẳn lại, nhỏ hơn cả cái còng của nó, chuyên để đưa mồi đã bắt được vào miệng...

Ông tôi là người không biết nói thầm. Đến đây, giọng ông bỗng nhỏ hẳn lại:

- Cháu ơi, người biết lo xa cũng phải như con còng gió ấy. Cái tay làm lụng thì phải to. Cái tay tiêu xài thì phải nhỏ. Cháu còn tuổi ăn học, chưa hiểu được rằng: Khi người ta không còn làm lụng được nữa, mà chỉ có tiêu xài thôi, dù là tiêu xài bằng tiền của nhà nước cấp cho, thì người ta đau xót và cơ cực đến thế nào. Có lẽ rồi ông cũng sẽ bé đi, như cái còng bên trái của con còng gió...

Nhưng ông tôi không đến cái độ đau xót, cơ cực ấy. Ông lại được đi làm. Ấy là khi mỏ than của chúng tôi, khai thác xuống sâu dưới mực nước biển. Tôi còn nhớ nhiều điều xảy ra xung quanh việc lớn lao đó. Bao nhiêu cuộc họp đã được tổ chức ngay ở mỏ. Bộ trưởng, thứ trưởng, các tiến sĩ, phó tiến sĩ, kỹ sư, các nhà văn, nhà báo, đã về đây. Sau đó, thỉnh thoảng tôi còn gặp họ đi lại thông dong ở ngoài đường.

Một lần, thứ trưởng đến thăm ông tôi. Thứ trưởng không đi xe con mà đi xe đạp. Chiếc xe còn mới, chắc ông mượn của chú kỹ sư nào. Lúc ấy, tôi đang tưới rau. Không hiểu sao thấy ông, tôi lại cứ tưởng là một bác thợ điện.

- Ông cháu có nhà không?
- Ông cháu vừa sang nhà ông Tư Đặc.
- Ông Tư Đặc nào?
- Bác không biết ông Tư Đặc à? Chắc bác ở nơi khác mới về trạm...
- Ừ... ờ...
- Ông Tư Đặc mù, hoạn lộn ấy!
- Có phải là ông Trần Văn Đặc nổ mìn ngày xưa không?
- Đúng đấy ạ.
- Sao lại gọi là Tư Đặc?
- Tư là tên cháu ông ấy. Ở đây còn một ông Tư nữa là ông Tư Máy Xúc, bố thằng Cường, bạn cháu. Cả hai ông Tư đều rất giỏi, bác ạ.
- À, cháu đưa bác sang luôn thể càng hay. Được không?
- Được ạ. Bác chờ cháu một chút.

Tôi khép cửa vườn, rửa qua loa cái tay, rồi quần cộc, áo may ô, tôi lững thững đi trước.

- Cháu học lớp mấy? - Ông hỏi.

- Lớp bảy ạ.

Vì đoán ông là thợ điện, nên tôi "tố khổ" luôn:

- Lớp cháu sao mãi vẫn chưa có điện, bác ạ. Những chiều gió lạnh, chúng cháu đóng cửa sổ vào, trong lớp cứ tối om om.

- Lớp cháu thế còn khá đấy.

- Vì sao ạ?

- Bác đi đường, thấy ngôi nhà nào dài, nhiều cửa sổ không có cánh cứ toang hoác ra, thì đấy là lớp học.

- Trường của thằng bạn cháu ở dưới phố cũng thế, bác ạ!

- Cháu thích học môn nào nhất?

- Cháu thích nhất môn thể thao...

Hình như ông cười, tiếng cười thoảng qua rất nhanh.

- Bác về trạm lâu chưa? - Tôi vừa hỏi vừa tiện tay dứt ngọn cúc tần, vò nát ra rồi đưa lên mũi. Tôi rất thích hương vị thơm hắc riêng biệt của nó.

- Một vài ngày...

- Nhà ông Tư đây rồi, bác ạ. Đấy, tiếng ông cháu đấy. Nghe cứ như đang cãi nhau. Bác vào đi. Cháu về còn tưới rau.

- Ừ, cảm ơn cháu.

Sau này, qua câu chuyện giữa ông và bố tôi, tôi mới biết, đấy là ông thứ trưởng. Ông về đợt này cùng một số chuyên viên kỹ thuật, xem xét sáng kiến của tập thể kỹ sư và công nhân mỏ, trong việc chế ra một cái máy, gọi là phà bơm. Máy bơm đặt trên phà, nổi trên mặt nước ở đáy moong sâu dưới mực nước biển, có khả năng đưa lên cao, một khối lượng nước rất lớn, rồi qua đường lò xuyên núi chảy ra biển.

Một tối, ăn cơm xong, ông tôi lùng lững đi ra đường. Lát sau, ông về. Ông nói sững sượng:

- Mai tao đi làm!

Lúc ấy, mẹ tôi đã vào buồng ngủ sớm để đi ca ba. Tôi đang đánh muỗi trong màn, còn bố tôi đang ngồi trên chiếc ghế tựa, đóng bằng gỗ hòm mìn, đọc quyển sách kỹ thuật tiếng Nga dày cộp. Ông tôi uể oải ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh. Dưới ánh điện, mái tóc ông như bạc thêm, cặp lông mày rậm hay động đậy, cũng đốm bạc, vẻ mặt ông thì dăm chiêu mỗi mệт lắм. Chính điều đó làm tôi ngạc nhiên. "Đi làm"! Chưa bao giờ, tôi thấy ông nói hai tiếng ấy, bằng dáng điệu yếu mềm và buồn bã như vậy. Bố tôi chắc cũng cảm thấy có điều gì khác thường, nên gấp sách lại, im lặng nhìn ông.

- Tao đã gặp anh Vũ Xuân Hải.

Vũ Xuân Hải là giám đốc mỏ. Chú còn trẻ lắm, ít tuổi hơn bố tôi nhiều. Chú mới đi học ở Liên Xô về.

- Chẳng biết anh ấy lý sự với các anh thế nào, chứ nói với tao, cứ như cua ngang chằng chằng, nghe không lọt lỗ tai được.

Mỗi lần nghe ông nói "không lọt lỗ tai được", tôi lại thầm buồn cười. Vì ông là người hơi nghễnh ngãng. Nhưng có lúc, nói rất nhỏ, ông lại nghe thấy, nhất là nói câu gì trái ý ông mà lại nói nhỏ, ông nghe được, thì ông quát to phải biết, cứ giật mình đến thót.

Bố tôi rót một chén nước, khẽ đẩy đến trước mặt ông. Ông uống cạn rồi đứng lên:

- Mai tao đi làm!

Bố tôi hỏi:

- Thế anh Hải nói với ông ra sao?

- Anh ấy bảo rằng, tao đã làm thợ đến bốn mươi năm năm, lại tham gia cuộc tổng đình công năm 1936, như thế là đủ rồi...

- Anh ấy nói thế là đúng đấy chứ - bố tôi xác nhận.

- Đúng là đúng thế nào... - giọng ông bỗng to lên như đang cãi nhau - Thế tao hỏi: Tao có phải là người đi làm thuê không, hả? Hay tao là thợ thời Tây, thì chỉ biết đi làm thuê. Hả? Chỉ có người đi làm thuê, mới thấy mình đã làm đủ chứ. Ngày xưa, tao đấu tranh với chủ để được thêm từng phút nghỉ, từng phút nghỉ, là vì làm sao? Là vì tao là người đi làm thuê cho nó. Đúng là đúng như thế nào? Nghe không lọt lỗ tai được.

Giọng bố tôi vẫn nhẹ nhàng:

- Thế ông đưa đơn cho giám đốc rồi à?

- Đơn nào?

- Đơn xin đi làm lại.

- Phải đơn à? Chưa.

- Thế thì ông viết đi, con sẽ ký, để chuyển lên giám đốc.

Ông tôi giãy nảy:

- Sao? Bố đi làm mà con lại phải ký đơn à? Lạ nhỉ? Ai sinh ra cái lệ ấy?

- ...

- Tao không viết.

- Thế con không ký nhận thì sao giám đốc duyệt được và ai sẽ phân việc cho ông...

Lúc ấy, dường như ông mới chợt nhớ ra rằng, bố tôi là phó giám đốc, trực tiếp phụ trách toàn bộ công trường khai thác than, kiêm quản đốc công trường xúc. Ông tôi cười khà khà, tiếng cười hồn hậu lạ. Ông vui vẻ giục tôi:

- Cháu Tịnh, chữ cháu đẹp lắm đấy. Cháu thảo hộ ông cái đơn nào.

Tôi lấy tờ giấy to và sạch, rồi ngồi vào bàn học. Ông đồng dạc đọc:

- *Tên tôi là Kiều Quang Tịnh, thợ gò hàn bậc bảy (7/7) đã về hưu, sức còn khỏe...* - ông nhấn mạnh ba tiếng "sức còn khỏe", rồi quay lại hỏi bố tôi: - Này, có cần phải nói là tao không vui vẻ gì, khi nhận đồng tiền hưu không nhỉ?

- Không cần - bố tôi đáp.

- *Nhưng rất cần - ông đọc tiếp - đi làm, để cùng với anh chị em khác, quyết đưa máy xúc xuống sâu dưới không, để mở chúng ta sẽ có tất cả...*

- Câu dưới dài dòng quá - Tôi nhận xét.

- Dài là dài cái gì? Hả? Ông dẫn giọng. Xong chưa?

- Xong rồi ạ!

- Được! - Ông tôi ngắm nghía cái đơn một thoáng, có vẻ hài lòng lắm, rồi cầm cây bút của tôi, cú xuống ký, rất là trịnh trọng. Chữ ký chỉ vền vền có một dấu +, hay tương tự là như thế.

Hai hôm sau, kỹ sư trưởng cơ điện Nguyễn Tùng Linh đến nhà tôi. Chú sục luôn vào bếp, xem tôi nấu nướng thế nào. Rồi ra sân, đứng dưới bóng cây giâu gia tỏa rợp, chú ghêch một chân ủng (ủng chú lúc nào cũng bóng) lên vỉa hè và gọi to:

- Bố già đâu rồi? Có khách nhé!

Trong lúc kỹ sư trưởng nói chuyện với ông tôi, tôi thấy chú có một nét đặc biệt, là rất thích bắt tay. Cứ mỗi câu ông tôi nói vừa ý chú, chú lại bắt tay một cái. Tôi không rõ câu chuyện diễn biến thế nào, chỉ thấy chốc chốc, hai người lại túm lấy tay nhau. Về sau tôi mới biết, ông tôi sẽ là người phụ trách toàn bộ phần gò và hàn cái phà bơm. Giúp việc ông, có một số người khác, trong đó có hai cha con chị Thủy, thợ hàn nổi tiếng của vùng mỏ.

Tiến kỹ sư trưởng ra khỏi sân, ông tôi hỏi, nghe rất hách:

- Này, người anh em! Bao giờ thì cái phà bơm của chúng ta, *nhất nhất* phải xong?

Chú Nguyễn Tùng Linh quay nghiêng người lại, giơ tay phải lên đầu, đồng dạc nói:

- Trước mùa mưa bão!

Chương Không Đánh Số

Từ ngày đi làm, ông tôi vui vẻ, hoạt bát hẳn lên. Ông cười nói, quát tháo. Bây giờ, thấy ông lừng lững đi ra, chẳng nói chẳng rằng, tôi biết là ông có gì băn khoăn lắm. Chợt nhớ, hình như trong lúc quét nhà, tôi có hót đổ vào chuang lợn một mảnh giấy nhỏ, cùng với bụi đất. Tôi tìm, mở ra, thấy mấy nét vẽ bút chì và vài con số.

Tôi chạy đến nhà giám đốc, xin phép quay nhờ máy nói. Tôi nghe rõ tiếng đằng kia đầu dây:

- A lô, tôi nghe đây. Đồng chí là ai đấy?
- Không phải đồng chí. Đây là cháu.
- Cháu nào? Ở đâu đấy?
- Ở nhà giám đốc.
- Cái gì? Giám đốc hả? Sao tiếng khác thế?
- Không phải giám đốc. Cháu đây.

Giọng trong ống nghe có vẻ sốt ruột:

- Có việc gì?
- Có... Bố cháu có trên ấy không, hờ bác?
- Bố nào?
- Bố Tính.
- Tính nào?
- Tính cao kều.
- Bậy nào. Thằng Tịnh đấy hả?
- Vâng, bố đấy à? - Tôi mỉm cười - Sao tiếng bố nghe như tiếng ai ấy.
- Khà khà khà... - Bố tôi cười to, tôi chợt thấy giống tiếng ông tôi lạ.
- Ông có trên ấy không, hả bố?
- Có. Nhưng không có ở chỗ này.
- Thế ở đâu ạ?
- Bên cơ điện. Có việc gì mà hỏi ông?
- Con vừa tìm được một mảnh giấy. Không phải ở trên bàn mà ở dưới đất. Tìm trong chuang lợn.
- Tao không hiểu mày nói cái gì. Nói ngắn và rõ xem nào.
- Con tìm thấy mảnh giấy.

- Giấy nào?
- Giấy vẽ sơ đồ của ông. Có cần mang lên ngay cho ông không ạ?
- Có... à không cũng được. Ông vừa bảo bố là quá trưa ông về.
- Vâng.
- À này, bố ăn cơm ở công trường. Ủ cơm phần mẹ và ông nhé.

Tôi vừa về đến rặng cúc tần thì ông Tư Đặc khua gậy sang nhà tôi. Tôi biết là đã đến giờ chộc lò nấu cơm rồi. Ông là một chiếc đồng hồ sống kỳ diệu.

Lúc đầu, chúng tôi chỉ biết ông là người mù mà lại thiên lộn giỏi. Hôm kỷ niệm hằng năm, ngày thắng lợi cuộc đình công lớn năm 1936, của những người thợ mỏ, thầy hiệu trưởng trường tôi mời ông đến nói chuyện. (Mỗi năm, thầy lại mời một người thợ già). Lúc ông mới đến, có đưa còn quả quyết rằng: chuyến này, chúng mình sẽ được học cách thiên lộn đây. Và chúng nó đuổi bắt nhau, kêu eng éc, ừn ừn, ở sân trường. Thầy chủ nhiệm phải nghiêm mặt lại, chúng mới chịu yên. Chúng tôi đâu biết rằng, đằng sau hốc mắt sâu hút ấy, là những sự tích hùng tráng và bi thương.

Bây giờ, ông khua gậy sang nhà tôi. Kia, xê ra cho ông đi. Xê ra cho ông đi...

Chương III

ÔNG TƯ ĐẶC - CÔNG VIỆC

ĐÃ BẮT ĐẦU RỒI

Hơn hai năm nay, ông Tư Đặc có cái lệ sang nhà tôi vào lúc gần mười một giờ như thế. Ấy là từ khi ông tôi về nghỉ hưu. Hai ông bạn thợ già, thôi thì thiếu gì chuyện để mà nói... Nhưng lúc này, ông ngồi im phăng phắc.

Ông tôi dành cho ông Tư một cái ghế tựa bằng gỗ lim to và nặng, mà một bác thợ cắt tóc, khi xách hòm kéo về thị xã, đã tặng lại ông. Ông tôi đặt ghế trong bóng rợp của cây giâu gia trùm mát xuống hiên nhà. Ông Tư ngồi im lặng trên ghế, hai tay trang trọng đặt trên hai đầu gối, như đang ngồi để vẽ tranh truyền thần. Gương mặt hơi dài của ông, bao giờ cũng sáng sủa, sạch sẽ. Dưới cằm, một sợi râu duy nhất, rõ dài, mọc xuống từ một mụn cơm nguội, trắng óng như cước, bay phất phơ ngang ngực. Hình như lúc này, ông sống hoàn toàn bằng nội tâm. Ai biết được ông đang nghĩ gì. Ông ngồi im phăng phắc...

Đúng lúc ấy, từ phía công trường cao ngang mặt, bùng lên một loạt tiếng nổ âm và rền. Ông Tư hít một hơi dài, căng đầy lồng ngực. Hàng lông mày thưa, bạc phếch, hơi chau lại. Xung quanh hốc mắt, nếp da cộm dày rung rung. Gò má ông đầy lên, khẽ động đậy, như có một cái gì thoáng qua.

Ông đưa tay tìm chén nước trà ngon, hãm thật đặc, thông thả nhấp từng tí một. Nếu có ông tôi ở nhà, thì đấy là lúc, ông dễ dàng bộc bạch tâm sự nhất. Mở đầu, thế nào ông cũng có một vài nhận xét về tiếng mìn nổ trên công trường hôm nay ra làm sao. Đại thể là:

- Thuốc ẩm rồi. Nổ như thế thì những tảng đất đá phải to bằng cái giường. Cánh máy xúc vừa ghè, vừa ngoạm cho xe chở đi, vừa chửi cho bằng chết.

Hoặc:

- Được đấy. Tụi này làm ăn khá. Nghe tiếng nổ trầm và đục lăm. Đất đá toi phải biết.

Có hôm, kỹ sư quản đốc công trường khoan nổ, đến ngồi với ông, cùng nghe tiếng mìn nổ. Mặc dù cách nổ mìn ngày nay, đã khác hẳn cách nổ mìn thời Tây, nhưng kỹ sư vẫn phải phục ông già là tay thợ giỏi.

Nói đến thợ nổ mìn thời Tây, không ai không biết tiếng ông Trần Văn Đặc. Theo lời ông kể, thì ông đã có một thời được chủ mỏ nuông chiều lắm, luôn thưởng tiền cho ông. Tất cả sự say mê của ông, đều truyền vào sợi dây mìn, nối đến hàng trăm lỗ khoan. Và từ các lỗ khoan ấy, bùng lên những tiếng nổ trầm và đục. Mười một năm nổ mìn chính xác và an toàn, có phải là việc chơi đùa. Nhưng đến năm thứ mười hai...

Năm thứ mười hai...

Vào một buổi trưa, nắng cũng rầm rứt như thế này, một tin loang ra, làm ai cũng ngạc nhiên: ông Đặc nổ mìn thế nào, làm đất đá đè chết cả quan Tây, su-ba-giăng¹ và mấy người đi theo, trong đó có cả cảnh binh và mật thám. Người ta bàn rằng: Chắc chắn không phải ông vô ý. Bởi ông là một thợ giỏi, vốn rất thận trọng trong khi nổ mìn. Hơn nữa, cảnh sát mỏ chắc cũng chẳng để cho ông có thể vô ý được, khi trên công trường đang có quan Tây. Hay ông là cộng sản? Khó mà tin được. Nhưng rồi, ai cũng phải tin một điều: Ông Đặc bị cảnh sát giải qua phố, quần áo rách tươm, mặt mũi sưng vù...

Ở phòng tra, chánh mật thám Sở than Bắc Kỳ hỏi ông:

- Tại sao mà lại nổ mìn trước đến năm mươi tư phút?
- Tôi quên.
- Mà có nhận được lệnh phải đảm bảo an toàn tuyệt đối cho quan trên sẽ đi dưới tầng mìn của mà không?
- Có.
- Mà có biết, mà đã cố tình đánh tháo cho một tên cộng sản nguy hiểm như thế nào không?
- ...
- Mà ăn lương của chủ mà đi làm tay sai cho cộng sản. Làm từ bao giờ?
- Tôi không...
- Không à? Không à?

Hắn đứng dậy và mắt ông tóe lên những đốm lửa. Hàm dưới tưởng long ra. Máu ứa đầy mồm, rùng rùng chảy xuống qua một bên mép...

Sau này, trong một buổi trưa khác, nghe tiếng mìn nổ trên công trường, ông nói với ông tôi:

- Thăng chánh mật thám thế mà ngu như con bò. Tôi khai thật, nó lại cứ cho là tôi khai giả. Giải tôi đi đề lao Hải Phòng, Hỏa lò Hà Nội, chán rồi lại giải về. Trước sau tôi cũng chỉ nói là tôi không biết. Mà tôi không biết thật.

Lúc ấy, ông tôi đang buộc lại cái cặp rổ bằng sợi dây thép nhỏ. Bàn tay quá to của ông cứ lóng ngóng xỏ sợi dây thép qua nan tre. Ông tôi ngồi bệt xuống đoạn đường ray mà ông vẫn thường làm đẽ, để rèn giũa hay chặt sắt thép. Ông tôi nói:

- Tôi đã chạm mặt thăng chánh mật thám ấy năm 1936, trong cuộc tổng đình công. Nó khét tiếng là hung bạo. Mặt nó cong cớn như mảnh chum vỡ, lông mày chổi sể, mắt đục, mồm nhọn, mũi mở quạ.

Chánh mật thám Sở than Bắc Kỳ, đã dùng thanh sắt chọc mù mắt ông Tư Đặc, rồi tha cho về, hòng giăng bẫy bắt những người khác. Nhưng chúng chưa kịp bắt ai thì Nhật đảo chính, rồi cách mạng tháng Tám thành công. Hôm ông Tư nói chuyện ở trường, tôi mới biết người được ông vô tình đánh tháo trong vụ nổ mìn khi đó, chính là ông thứ trưởng. Nhưng lúc bấy giờ, ông cũng không biết ông thứ trưởng là một trong những người cộng sản đang tổ chức phong trào công nhân ở vùng mỏ. Còn vì sao ông lại cho nổ mìn vào lúc đó, thì mãi về sau, tình cờ tôi mới được biết...

Ông tôi về đến sân, dáng đi hăm hở lắm. Nghe tiếng bước chân, ông Tư biết ngay là ông tôi đã về. Ông Tư hỏi:

- Phà bom đã bắt đầu rồi chứ?

- Bắt đầu rồi!

Ông tôi ngồi bệt xuống đoạn đường ray để cạnh cái ghế lim, bên gốc cây giâu gia. Tôi chạy vội vào trong nhà, rút ngăn kéo, lấy mảnh giấy mỏng, có ghi những nét vẽ bút chì và những con số, như tôi đã nói ở trên. Ông trừng mắt nhìn tôi một lúc, động đậy cặp lông mày đốm bạc, tưởng ông sẽ quát mắng tôi, nhưng không. Ông im lặng bỏ mảnh giấy ấy vào chiếc ví da bạc phếch, nhét vào túi quần sau.

- Tôi thấy cả mỏ ta, đâu đâu cũng xông xáo về cái phà bom. Tôi ngồi đây mà sốt cả ruột. Nó ra làm sao? - Ông Tư hỏi.

Ông tôi cởi cúc áo, để lộ tảng ngực nâu sẫm, vạm vỡ, gồ ghề, dù tuổi đã cao. Ông cầm chiếc mũ lá cọ, chóp mũ dính một cục nhựa đường to tướng, quạt một hồi. Có lần, ông bảo tôi rằng, trong các loại mũ, chỉ có mũ lá là hay nhất. Vì nó che được nắng, lại che được cả mưa, đi làm hay

đi chơi đều tiện. Chỉ cần giữ cái chóp mũ cho bền, thì một đời cái mũ lá, bằng ba bốn đời cái mũ bọc vải.

Ông tôi nói:

- Công nhân bây giờ đều là những tay có học. Họ nghĩ ra được khối thứ, mà cánh thợ ta ngày xưa, không nghĩ ra được.

- Ông muốn nói cái phà bơm ấy à? - Ông Tư háo hức hỏi.

- Và nhiều cái khác nữa.

Ông Tư ngồi im lặng. Hai cái sẹo màu nâu khế động đậy trong hai hốc mắt, vẻ mặt ông mơ màng như phủ một làn sương mỏng. Đó là nét dễ nhận ra ở ông, mỗi khi ông tôi nhắc đến những kỷ niệm cũ.

Ông tôi tợp một ngụm trà và nhăn mặt lại. Nước trà hãm đặc, đắng quá. Tôi đoán thế, chạy vội vào nhà, định mang phích nước nóng ra, nhưng ông tôi xua tay:

- Mấy giờ rồi? Mày không đi học à?

Ông Tư Đặc nói:

- Chiều qua, anh Tư Máy Xúc bảo với tôi rằng, khó mà làm xong phà bơm trước mùa mưa bão được.

- Sao lại không? - Ông tôi dướn cặp lông mày đốm bạc lên hỏi, giọng khó chịu.

- Nghe nói còn thiếu các thứ gì gì ấy.

- Không thiếu đâu. Vỏ phà thì tôi đang làm. Máy bơm thì ta vẽ sơ đồ thiết kế, rồi đặt nhà máy chế tạo bơm Hải Dương. Chỉ có một khoản đáng lo thôi.

- Khoản gì? - Ông Tư hỏi.

- Hoặc là ta phải chế cánh quạt máy bơm bằng một loại hợp kim đặc biệt, hoặc là ta phải chế ra được một loại sơn riêng...

- Tại sao phải cầu kỳ thế? Sơn tàu biển không dùng được à?

- Cũng được, nhưng không đảm bảo - ông tôi giảng giải - Nó là như thế này...

Ông tôi nói một thôi, tôi nghe cũng lúng củng như thế nào ấy. Đại khái tôi hiểu là: Nước ở đáy moong rất phức tạp và riêng biệt, nên phải có loại cánh quạt máy bơm và một loại sơn thích hợp. Những thứ đó chế tạo ra, giá thành rất cao, mà lại chỉ dùng được ở một chỗ, là chỗ của ta mà thôi.

- Gay nhỉ! Gay nhỉ! - Ông Tư chặc chặc lưỡi - Liệu ta có làm được không? Làm thế thì đắt lắm, lấy tiền đâu mà làm.

Ông tôi đứng dậy, cởi tấm áo dày cộp ra vắt lên cành giâu gia. Giọng ông hoan hỉ:

- Có một anh tiến sĩ ở Hà Nội đã về mỏ ta rồi đấy. Anh ấy sẽ chế tạo cho ta loại sơn riêng đó.

- Thế à! Người ông tiến sĩ thế nào?

- Chẳng thế nào cả. Trẻ, mặt tròn, không mang kính, cũng không cặp cặp.

Ông Tư mỉm cười, nụ cười mỉm của người mù, vừa có vẻ khiêm nhường, vừa có vẻ dò xét, đả đơ, mà tôi không thể nào miêu tả được. Không biết về sau, hai ông còn nói với nhau những gì. Tôi đến nhà Cường - bạn cùng lớp - rủ nó cùng đi học.

Chương IV

TRONG VÒNG CUNG HÌNH PHẪU - KỸ SƯ TRƯỞNG CƠ ĐIỆN

Hôm ấy, chúng tôi học tiết địa lý ngay cạnh dàn khoan trên công trường. Người giảng là kỹ sư trưởng. Chú bắt tay các chú thợ khoan lia lia, rồi giơ tay chào chúng tôi, rất giống tư thế chào của đội viên thiếu niên tiên phong.

Người chú mảnh khảnh, trông bên ngoài có vẻ yếu ớt, nước da hơi xanh, dấu vết chưa tắt hẳn của những trận sốt rét rừng. (Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước bước vào thời kỳ ác liệt, chú đã rời vùng mỏ, đi đặt đường ống dẫn dầu ở Trường Sơn).

Chú đưa chúng tôi ra bờ moong. Ở đây, tôi nhìn được toàn cảnh công trường, trong một vòng cung cực lớn hình phễu. Những đám mây trắng, mỏng và nhẹ như lông thiên nga, bay phơ phất ngang sườn núi trước mặt, làm cho những cỗ máy khoan khi ẩn, khi hiện, trông giống những con thuyền đã hạ buồm. Tháp khoan như cột buồm nhô lên, trên màu mây mờ ảo, gợi lên trong tâm trí tôi, những mơ mộng xa xăm. Đó là những cỗ máy khoan xoay cầu hiện đại, mũi khoan được làm bằng thép hợp kim hạng nhất. Vậy mà, đã có nhiều mũi khoan như thế, bị quần, bị mẻ, khi xoay xuống những phay đá gan gà, tím ngắt, lăm lăm trong lòng núi trước mặt tôi kia. Dưới đáy moong, tôi đếm có đến chín cái máy xúc, nhác trông, có thể ví chúng với những con vịt bầu khó tính, hay động cựa, luôn luôn quay cổ từ bên này sang bên kia.

Từ những chiếc máy xúc dưới đáy, lên đến những máy khoan trên cùng, là con đường vòng, xoay tròn ốc, không ngót xe lên, xe xuống. Những chiếc xe ben-la, màu xanh lá mạ, trông như con cào cào, chạy rất nhanh, chở đất đá bóc trên tầng, đổ ra bãi thải. Những chiếc xe gấu, màu đen trũi, trông như con kiến đất, cần cù và chắc chắn, chở than từ dưới đáy moong, chỗ có máy xúc, đổ ra máng ga, rồi từ máng ga, than trút xuống những toa xe lửa, chở ra cảng. Hoàn toàn không trông thấy bóng người. Nhưng tôi biết, con người có mặt ở khắp mọi nơi, trong cái vòng cung hình phễu cực lớn này. Nếu những chiếc xe, lên xuống có khoảng

cách gần như đều nhau, trên con đường vòng xoáy tròn ốc, làm ta có cảm giác cái moong này, như một cái đèn kéo quân kỳ ảo, thì những người công nhân, chính là động lực, làm xoay chuyển cả cái đèn đó. Tôi cảm thấy lý thú khi liên tưởng như vậy.

Trong số chín cái máy xúc kia, có một cái do bố Cường lái. Bố Cường - ông Tư Máy Xúc - là một người lái giỏi, có năng suất rất cao. Ông điều khiển hai cánh tay gầu, (mỗi tay gầu bốn mét khối sáu, kể cả đất đá, nặng đến bảy tấn) nhẹ nhàng, linh hoạt, như hai cánh tay múa dẻo của cô văn công.

Cường rủ tai tôi:

- Đẳng ấy có biết chuyện này không?
- Chuyện gì? - Tôi tò mò hỏi.
- Chuyện máy xúc xúc máy xúc.

Tôi thành thực nói là tôi không biết.

Cường nháy một bên mắt, có vẻ vừa đoán xem, tôi nói như thế có thật hay không, vừa có ý chế nhạo tôi. Rồi nó kể:

- Mấy năm trước... à, ngày xưa ngày xưa, có một lần mưa to quá, lại mất điện, máy xúc chạy lên không kịp, bị ngập. Lúc đầu, thì ngập trong nước, sau rồi ngập trong bùn. Khi nước được máy bơm hút cạn, không ai trông thấy máy xúc đâu. Người ta nhớ vị trí cũ của nó, nhưng đào ngoáy mãi, vẫn không thấy. Nó biến đi đâu rồi. Làm sao nó lại tự di chuyển khá xa trong bùn được? Lạ thật! Cuối cùng, một chiếc máy xúc khác, xúc bùn đất lên xe, thì xúc ngay vào đầu "anh chàng". "Anh chàng" ngoi cái cổ lên, trông như con ngỗng khổng lồ bị chôn sống vậy...

Tôi hỏi:

- Ai kể cho cậu?

- Bố mình. Bố mình gửi thư về. Đạo ấy, mình học lớp ba sơ tán ở quê. Cái thư mình còn thuộc lòng. Giờ kể chuyện ở lớp, cô giáo bảo mình kể, thế là mình cứ đọc luôn cái thư cho cả lớp nghe.

Chẳng biết kỹ sư trưởng đang nói điều gì với thầy giáo tôi, mà tay hai người cứ nắm chặt lấy nhau. Thầy phác một cử chỉ, chúng tôi hiểu là cần phải quay gọn lại. Chúng tôi ngồi bên cây cột điện bằng sắt, lực lưỡng. Trước mặt là đáy moong, ở trên nhìn xuống, cứ mờ mờ ảo ảo như một cái hang động lạ lùng nào đó, thấp thoáng bóng xe và máy xúc. Sau lưng, là con đường rẽ ba, lối xuống phố, lối ngoặt ra đầu đường bãi thải, lối lên tầng khoan, xe chạy cứ như mắc cửi. Bụi bốc lên mù mịt. Kỹ sư trưởng nói:

- Hằng ngày, chúng ta phải bơm ra biển, hàng ngàn mét khối nước. Và đây, các cháu trông - chú giơ tay chỉ - chúng ta phải bơm chuyền.

- Y như ta tát nước gầu sòng, chuyền nhau ở đồng bằng vậy. - Thầy giáo tôi nhận xét.

Chắc là rất thích hình ảnh ấy, chú kỹ sư bỗng nhảy lên một bước, tí nữa thì xéo vào cái chân cò đang duỗi dài ra của thằng Cường. Chú túm lấy tay thầy giáo tôi, rồi nói to:

- Y như tát nước chuyền nhau bằng gầu sòng ở đồng bằng. Làm ăn như thế, thì không thể nào nước giàu dân mạnh được.

Chú nói tiếp:

- Chúng ta đã tính toán được, sức đẩy của nước, từ dưới lòng moong, sức nén của máy, đang hoạt động, xuống mặt phà, kể cả sức dòn của ba cột nước cao chín mươi tư mét, nếu máy đột ngột dừng lại, vì bất cứ lý do nào. Chúng ta cũng đã có những con số về lượng mưa để lại từ hơn năm mươi năm nay. Nghĩa là, chúng ta có đủ cơ sở khoa học, để chế tạo phà bơm, bơm hết được nước đáy moong, dù trời mưa với lượng nước lớn như thế nào. Nghĩa là, ngay dưới trời mưa, ngay sau ngày bão, chúng ta vẫn có thể xúc lên được những tấn than, ở độ sâu sáu bảy mươi mét dưới mực nước biển và ở ngay bên cạnh biển...

Giọng chú nhẹ nhàng, thanh thoát, có những âm tiết chú nhấn mạnh, lại có những âm tiết chú nói thoảng như gió. Thằng Cường bảo rằng, những người biết chơi đàn vi-ô-lông và hiểu âm nhạc thường có giọng nói du dương như thế. Không biết có đúng không? Chú gọi lên trong chúng tôi, những gì khao khát đến táo bạo. Và tất cả, mới chắc chắn làm sao, mới giản dị làm sao.

Chương V

CƠN MƯA ĐẾN SỚM - TÌNH HÌNH RẤT NGUY - BỐ TÔI VÀ ÔNG TƯ MÁY XÚC

Điều bất ngờ là cơn mưa đầu tiên của mùa hạ, lại trút xuống vào đêm chủ nhật. Ngay cơn đầu tiên ấy, mưa đã rất to.

Hình như chính tiếng mưa rơi trên mái nhà và hơi lạnh của nước mưa, lùa qua cửa sổ, đã làm tôi thức dậy. Tôi quờ tay tìm chăn, kéo lên ngực, và ngay lúc ấy, tôi chợt hiểu rằng, có một điều gì đó thật hệ trọng đã xảy ra. Thế là tôi tỉnh hẳn. Tôi ngồi bật dậy.

Người duy nhất ở trong nhà, tôi trông thấy, là mẹ tôi. Mẹ tôi ngồi trên chiếc ghế đống bằng gỗ hòm mìn, vẻ tư lự. Tôi thõng hai chân xuống đất, quờ quờ tìm đôi dép cao su.

Mẹ tôi hỏi:

- Con dậy đấy à? Dậy làm gì?
- Bố đâu hả mẹ? - Tôi hỏi lại.

Mẹ tôi đáp, giọng mệt mỏi:

- Đi lên công trường rồi.
- Bố đang ốm cơ mà!
- Ốm cũng đi. Thế...

Mẹ tôi bỗng ngừng lại. Cả tuần nay, anh Tỉnh tôi không thấy về nhà. Ông tôi chắc bây giờ còn ở đâu đó trên phân xưởng. Bố tôi, người cao đĩnh, hơi gầy, sức vốn đã không được khỏe, lại bị cảm cúm đã ba bốn hôm nay. Chắc mẹ tôi lo cho bố tôi lắm. Nhất là đêm khuya, mưa gió thế này...

Mưa vẫn như tát, như té. Nước ràn rạt trên mái nhà. Nước ùng ục chảy xuống cống ngầm. Nghe rõ cả tiếng nước từ trên tầng cao, đổ ào ào xuống bên kia bãi thải. Một tia chớp xanh lè, ráo hoảnh, chạy vụt qua trước nhà, như làn roi quất. Cây thông cao vút và cô độc, chợt hiện lên đột ngột rồi mất hút. Và sấm. Sấm dội lên như tiếng bom. Sấm lồng lộn trên bầu trời, sôi sùng sục.

Thời tiết những năm gần đây, thay đổi rất thất thường. Năm ngoái, giữa mùa hè, bỗng có gió đông bắc lạnh, làm tôi bị viêm họng. Giữa mùa đông vừa qua, bỗng đổ một cơn mưa rào, chớp chạy tràn cây và sấm nổ ùng oàng. Lại có cả sét mới lạ chứ. Tiếng sét gần, sáng choang, chói gắt, làm rung bần bật các cánh cửa sổ. Các cơn bão mùa thu, phá vỡ quy luật mà tôi học về bão trong chương trình địa lý. Ngay trong một cơn bão, đường đi cũng luẩn quẩn và cuối cùng, đổ bộ vào nơi mà nó không định trước. Tài giỏi như Tổng cục khí tượng, cũng nhiều lần đoán sai. Chắc bố tôi không lường được cơn mưa đến sớm này. Điều gì đã xảy ra, chắc phải hệ trọng lắm. Nếu không, đang đêm mưa gió thế, lại bị cảm cúm, bố tôi đã chẳng khoác áo ra đi...

Mẹ tôi vẫn ngồi tư lự. Một chút buồn phảng phất trên gương mặt mẹ. Lần đầu tiên, tôi nhận ra ở thái dương mẹ, những sợi tóc đã bắt đầu bạc từ chân tóc đến lưng chừng...

Tôi hỏi:

- Có việc gì xảy ra trên công trường, hả mẹ?

- Chắc có.

- Con chỉ lo những chiếc máy xúc ở dưới đáy moong không lên kịp thôi.

- Không mất điện thì không sợ, con ạ.

Mẹ tôi nói thế, nhưng tôi cảm thấy trong giọng nói của mẹ, có cái gì không hẳn như vậy. Tôi chợt nhớ lại câu chuyện "máy xúc xúc máy xúc" mà Cường kể. Khi ấy, đáy moong còn ở độ sâu cao hơn mực nước biển. Thế mà sau trận mưa, cả cái vòng cung hình phễu (tất nhiên hẹp hơn và nông hơn bây giờ nhiều) mênh mông nước, như một cái hồ lớn ở lưng trời.

Tôi đứng dậy, mở cửa sổ, nhìn vào quầng điện sáng đục của công trường, qua màn mưa. Không biết từ bao giờ, tôi đã yêu cái quầng sáng ấy. Mưa vẫn rơi ràn rạt. Chớp chạy nhì nhảnh hình rẽ cây. Từ sau chớp núi trước mặt, vọng lại một hồi sấm vang rền.

Chính lúc ấy, tôi nhận ra bóng dáng cao to lực lưỡng của ông tôi. Ông đang sải những bước nhanh từ đường cái rẽ vào lối về nhà. Ông vẫn đội chiếc mũ lá mà tôi quen thuộc từ thuở nhỏ, chỉ khác là ông khoác cái áo bạt của ai quá ngắn, chưa đến đầu gối, đôi chân để trần. Trông ông tựa tựa như ông Táo Quân mà người ta thường vẽ vào dịp tết.

- Ông về đấy, mẹ ạ. - Tôi nói.

- Có bố không?

- Con không thấy. Ông bước nhanh lắm.

Mẹ tôi đứng dậy, bước vội về phía cửa sổ. Nhưng lúc ấy, ông đã khuất sau dãy nhà kho to bè của xí nghiệp xây lắp mỏ.

Mẹ tôi chưa kịp quay lại, thì ông đã đẩy cửa bước vào. Ông treo chiếc áo mưa bằng vải bạt lên cái đỉnh thuyền đóng ở cạnh cửa ra vào, nước rỏ giọt xuống tí tách. Thì ra ông mặc quần cộc. Chiếc quần dài ông cuộn tròn cắp vào nách.

- Sao mẹ con mày chưa đi ngủ? - Ông hỏi.

- Nhà con có trên ấy không ông? - Mẹ tôi hỏi.

- Có.

- Mưa đầu mùa độc lắm, mà nhà con lại đang ốm.

- Không sao! Không sao! - Ông tôi cười khà khà.

Cho đến bây giờ, tôi vẫn nhớ như in, gương mặt đẫm nước mưa và tiếng cười khà khà của ông tôi. Tiếng cười hồn nhiên, đôn hậu và tự tin, khiến mẹ tôi yên tâm. Mẹ tôi loay hoay pha trà cho ông, nhưng ông xua tay:

- Thôi. Đi ngủ. Khuya rồi. Tao cũng mệt lắm!

Tôi vội hỏi:

- Ông ơi, những chiếc máy xúc có leo qua cơn lũ mà lên được không ông?

- Mày hỏi làm gì? - Ông tôi bỗng trợn mắt lên, quát - Ngủ! Không hỏi lôi thôi.

Nhưng khi vào buồng xếp rồi, ông lại nói vọng ra:

- Mẹ thằng Tĩnh này. Đầu đường chỗ Đá Chồng mưa xối lở hết rồi...

Mẹ tôi nhòm hẳn dậy:

- Ông đi qua chỗ ấy à?

- Ừ. Sao làm xong đường không rải nhựa luôn đi?

- Thiếu nhựa, ông ạ. Ở góc phía bắc, có sạt không ông? Con không lo lở, mà chỉ lo sạt...

Ông tôi cựa mình, và thay cho câu trả lời, ông bắt đầu ngáy. Tiếng ngáy lúc đầu còn nhỏ nhỏ, như người rên, rồi sau to dần, to dần, nghe nùng nùng như tiếng cối xay lúa...

Mẹ tôi đứng bần thần một lúc, ngó ra trời mưa, rồi lặng lẽ đi vào buồng ngủ.

Tôi nằm trần trọc mãi, vẫn không sao ngủ được. Qua cửa sổ khép hờ, tôi vẫn nhìn thấy quầng sáng màu nhôm trên công trường của bố tôi. Cái quầng sáng ấy lúc này cứ gọi lên trong tôi, những gì bí ẩn và bất

trắc. Có một điều gì đó đã xảy ra. Chắc hệ trọng lắm. Nếu không, bố tôi đã chẳng khoác áo mưa ra đi, lúc chưa lui cơn sốt. Tôi biết chính bố tôi đã được giám đốc ủy nhiệm, ký một số lệnh đặc biệt, để xử lý các tình huống khi mở có mưa bão. Lệnh đó khi thì viết tay, khi thì in ở nhà in rồi dán lên các bức tường.

Có một điều gì đó nhất định đã xảy ra...

Tôi lồm cồm bò dậy, rón rén xỏ chân vào đôi dép cao su, rồi không để có một tiếng động, tôi lặng lẽ bước ra ngoài, lòng yên tâm vì mẹ tôi không hề biết. Mưa đã ngớt. Gió như ngừng hẳn. Mây mờ mờ đục đục như nước hến. Cuối chân trời, trên mặt vịnh Bái Tử Long, một vài ngôi sao rời rạc hiện lên như tấm cá.

Nước vẫn ùng ục chảy xuống cống ngầm. Nước trên tầng cao ào ào đổ xuống bãi thải. Mặt bãi rất rộng, nước đọng từng vũng, đen kịt màu than. Con đường trũng vết chân người, vất chéo, trắng nhờ nhờ, nước chảy thành dòng, xéo lên lồm bồm. Nhái nhảy loạn xạ. Những con gì không rõ, kêu kẹc kẹc, kẹc kẹc...

Tôi bước lên đoạn đường dốc. Vắng vẻ quá. Đó là dấu hiệu không lành của mỏ. Đáng lẽ phải có những chiếc xe gấu, lạch lạch chở than ra, những chiếc xe bò tót chạy vào, thùng xe rỗng, xóc nảy lên khi đường có ổ gà. Trên đầu đường tầng cao, đáng lẽ phải lòa lòa sáng, những ánh đèn pha của xe ben-la chở đất đá. Đêm đêm, mỗi loại xe của mỏ chạy theo một tuyến đường riêng. Tiếng xe đi nghe như luồng gió thổi. Đấy là ở xa. Còn ở gần công trường thế này, mà không nghe thấy tiếng máy khoan, tiếng máy gạt, là ra làm sao? Nếu không có ánh điện vẫn còn tỏa sáng từ các cột đèn đường thì... thực là khủng khiếp. Chỉ có ai ở mỏ mới cảm thấy trống trải đến rùng mình, đến rỗng hết cả trời đất và ruột gan, khi tai không nghe thấy những tiếng động âm ì, chát chúa. Tôi chợt nhớ đến Cường và ước mơ trở thành thợ điện của nó. Trước mắt tôi, hiện lên trạm điện ba mươi lăm ki-lô-vôn, và âm thanh đầu tiên tôi nghe thấy, là tiếng kỹ sư trưởng cơ điện, quát rất to vào ống nói:

- A-lô... Đồng chí giám đốc đấy phải không? Kỹ sư trưởng cơ điện đây. Vâng. Báo cáo, tôi đã có mặt tại trạm điện, theo lệnh của đồng chí. Điện vẫn tốt. Hiện nay, điện vẫn tốt. Vâng. Vẫn tốt. Tôi đã cho kiểm tra cầu dao và các biển thể, đã phân công người trực các đầu mối, đề phòng có sự cố. Vẫn tốt. Thưa đồng chí, vẫn tốt. Vâng, nhưng đồng thời, tôi cũng đã cho chuẩn bị gấp, máy phát điện tự động, để đề phòng bất trắc. Vâng, đề phòng bất trắc. Vâng... Vâng... không cần đến năm phút. Xin

đồng chí ba phút thôi. Nếu có sự cố, chỉ cần ba phút sau, điện sẽ liền mạch, đảm bảo cho máy bơm và máy xúc... Vâng... Vâng... cảm ơn đồng chí... Alô... Alô... cho gặp EKG 9. Cho gặp máy xúc EKG 9. Có liên lạc được không? Vì sao? Vì sao? Hả? Hả? Vì sao?...

Tôi cũng muốn biết vì sao, với sự tò mò không sao kìm nổi, nhưng làm sao tôi nghe được tiếng nói từ đầu dây bên kia. Tôi vội chạy qua đỉnh dốc, ngó vào phòng điều vận công trường. Trong phòng, một chú kỹ sư tôi không quen, đang ngồi bên máy nói, tay hý hoáy ghi chép. Mặt chú bình thản như trên đời này không có chuyện gì xảy ra. Không thấy có bố tôi. Tôi chạy ra bãi khoan. Ở đấy có một nhóm người đang cúi xuống xem một vật gì. Tôi đến gần. Thì ra là một cái *ti choòng*² bị gãy kẹt dưới đáy lỗ khoan, vừa được câu lên. Bùn đất ngập ngụa. Người nào người ấy lấm bê bết, y như nông dân làm thủy lợi. Trời nắng, người thợ khoan đã lấm láp rồi, kể gì trời mưa, lấm bê bết là lẽ đương nhiên. Không thấy có bố tôi.

Tôi chạy ra bờ moong. Một bóng người loắt choắt trong chiếc áo mưa rộng thùng thình, chạy đến và tôi nhận ra ngay là Cường.

Tôi hỏi:

- Cậu lên từ bao giờ?
- Lúc còn đang mưa to.
- Chắc nước từ trên núi phóng xuống khiếp lắm.
- Như hàng trăm con măng xà vương.
- Bố cậu đâu?
- Đáy moong. Đang cứu máy.
- Cậu có thấy bố mình không?
- Có. Cũng ở dưới ấy.

Chúng tôi chạy xuống moong, theo con đường rộng, xoáy tròn ốc, dành cho các loại xe tải. Nước vẫn chảy tràn trên mặt đường, rồi theo các rãnh ngoằn ngoèo, lao xuống lòng moong, như những con rắn hung hãn cực lớn. Nhiều đoạn đường đã bị nước phá hủy, trơ ra những hòn đá bố, đá ông, đá cụ, lởm chởm. Có đoạn đã sạt hẳn. Tôi biết mẹ tôi và tổ làm đường của mẹ đã phải vất vả như thế nào để có những đoạn đường này. Những đoạn đường sâu dưới mực nước biển, chịu được sức nén của những chiếc xe năm mươi tấn, đang lên dốc, bánh xe cao đến một mét sáu lăm, cày siết xuống đất bụi. Nước đã ngập đến một phần tư moong. Chắc chiếc máy bơm ở tầng cuối cùng đã chạy được lên rồi, nếu không thì hẳn đã chìm.

Những chiếc máy bơm khác nối nhau theo kiểu gầu sòng, vẫn hoạt động tốt, nhưng hoàn toàn không đủ sức, guồng lên hàng chục triệu khối nước đang ú đầy. Nước vẫn đang dềnh lên, ngập lên lán tầng bè... Tôi chợt nhận ra ông thứ trưởng, đã từng đến nhà tôi, lội lóp ngóp trong bùn. Ông khoác áo mưa nhưng không đội mũ. Những giọt nước mưa thừa thớt tấp vào mặt ông. Thỉnh thoảng, ông lại phải lấy tay vuốt mặt. Sau ông là chú giám đốc và vài người nữa tôi không biết tên. Cường nắm tay tôi. Chúng tôi lên tầng trên, cùng ngồi xuống một tảng đá hộc to tướng.

Dưới moong lúc này càng rất vắng vẻ. Ai không hiểu nghề mỏ, sẽ cho là chẳng có chuyện gì xảy ra. Trừ một bóng người cúi lom khom bên cái máy bơm đang nổ giòn giã, dăm ba người khoác áo mưa đứng túm tụm bên mép nước, hai cái máy xúc, trông như hai con ngỗng đang động cựa, còn thì hoang vắng đến lạ lùng.

Tôi sốt ruột hỏi Cường:

- Đây, tại sao hai cái máy xúc kia cứ xoay xở mãi không lên được?

- Nước. Nước đang đùn lên đấy thôi. Máy thì nặng. Đất thì lở. Đường thì nhão thành bùn.

- Ai lái hai máy xúc ấy?

- Ờ, thế đằng ấy không biết à?

- Không.

- Bố mình và bố đằng ấy đấy!

- Thật à?

- Thật - Cường chặc lưỡi một cái.

Tôi nhìn vào mặt Cường và biết là nó nói thật. Bố Cường là người lái máy xúc nổi tiếng. Khi làm việc, mọi động tác của ông đều chính xác, linh hoạt, khoan thai, không có động tác thừa. Năng suất của ông cao hơn hẳn những người lái máy xúc giỏi khác. Ông hết sức dịu dặt các bạn thợ, nhưng vẫn không ai bằng ông. Có lẽ vì ông có sức khỏe hơn người. Ông thường làm hai mươi tám, hai mươi chín công hằng tháng và không bao giờ phải rỏ những giọt nước mũi vì cảm cúm, như ông nói. Ngày mười lăm tháng mười một năm 1968, ông là một trong số những người thợ mỏ được gặp Bác Hồ ở Phủ Chủ tịch. Ngày ấy bây giờ thành ngày hội về vang của vùng mỏ, sau ngày đình công thắng lợi mười ba tháng mười một năm 1936. Đối với ông, đấy là một kỷ niệm đẹp nhất mà ông vẫn tự hào. Từ ấy, tên ông được mọi người kính trọng, ghép với tên nghề là ông Tư Máy Xúc.

Bố tôi, nguyên là thợ cơ khí. Do yêu cầu của mỏ, bố tôi học lái máy xúc và học cả khoan nổ. Người ta gọi bố tôi là con dao pha. Nghĩa là bố tôi làm việc gì cũng được, và việc gì có bố tôi, thì kết quả cũng tốt hơn. Bố tôi đi học hàm thụ đại học bách khoa và đỗ kỹ sư cách đây bốn năm. Sau đó bố tôi được đề bạt làm phó giám đốc mỏ, nhưng vẫn phụ trách công trường khai thác than, nơi bố tôi đã bỏ nhất cuộc chim đầu tiên từ năm 1956, khai sinh ra mỏ mới này.

Tôi không ngạc nhiên, khi biết bố tôi là một trong hai người lái chiếc máy xúc cuối cùng từ lòng moong bị ngập nước. Tôi hỏi Cường:

- Cậu có chắc máy xúc lên được không?

- Chắc.

Tôi cầm tay Cường đứng dậy:

- Xuống đi. Mình sốt ruột lắm.

Hai chiếc xe bò tốt vội vã lao qua trước mặt chúng tôi. Chẳng khó khăn gì để nhận ra, người lái chiếc xe thứ hai là anh Tĩnh tôi, nhờ cái dáng anh ngồi trong buồng lái và nhất là tiếng còi xe, như được vuốt dài ra cho đỡ chói gắt. Tôi giơ tay ra hiệu, nhưng anh không để ý là có tôi ở dưới lòng moong. Anh dốc ben, đổ đá xuống sát mép nước, rồi đánh tay lái, cho xe ra tầng ngang, lên dốc, theo con đường phía bên kia. Những người khoác áo mưa, ném đá xuống chỗ ngập, lót đoạn đường đã bị bánh xích máy xúc ngoáy vữa ra như cháo. Nước đã ngập gần đến bụng chiếc máy xúc thứ nhất. Xung quanh máy, nước sục lên như đang sôi. Chiếc máy xúc cựa quậy một cách nặng nề, khó nhọc. Tôi cảm thấy hơi thở của nó phả vào mặt tôi, hỗn hển và nóng hổi như hơi thở của con người. Nước chỉ dâng lên độ một gang tay nữa, là nó sẽ chết máy. Mà tôi như nhìn thấy nước đang dâng lên, loang loáng trên vành xích máy xúc. Nguy đến nơi rồi. Nếu bây giờ một bộ phận nào đó, một chiếc đinh ốc ở ổ máy chẳng hạn, bị long ra, là máy có thể bị đứng, không còn thì giờ sửa chữa. Hoặc mất điện. Chỉ mất điện độ dăm phút. Có rất nhiều lý do để mất điện. Tết năm ngoái, một con rắn cạp nong rất lớn, từ núi đá lao vào, nằm vắt ngang đường dây cao thế. Một tiếng nổ ở cầu dao. Cả vùng mỏ mất điện, đúng lúc giao thừa. Xe con, mô tô, khẩn cấp phóng đi... Té ra, mất điện chỉ vì một con rắn. Hoặc là, một sự cố nào đó, ai mà biết được. Chỉ mất điện chừng dăm phút, nước sẽ ồ vào ổ máy. Nước sẽ chìm xuống đáy moong sức lực của "ba ngàn người". Rồi mùa khô sang năm, lại "máy xúc xúc máy xúc". Tôi bút rứt không sao chịu nổi.

Chiếc máy xúc như cũng có cảm giác ấy. Nó loay hoay, bực dọc. Không ai có thể đẩy và kéo nó lên được. Cái sức thủ công của con người lúc này hoàn toàn bất lực. Nó gầm rít, nó kêu la. Nó biết nó sinh ra từ trí tuệ của nhiều người, nhưng nó cũng biết nó sống được, hoạt động được, chỉ nhờ trí tuệ của một người thợ. Nó kiên trì, kiên trì dò đường, thận trọng và nóng nảy. Nó xoay trở và quấy đạp. Sùng sục nước. Ngùn ngụt hơi. Nó trườn lên, tụt xuống, trườn lên. Và, và... với một sức mạnh vô hình cực lớn nào đó bỗng nhập vào nó, như sức dồn nén của một cái lò xo, như sức đẩy vào một đầu đạn, nó rồ lên một tiếng quái dị và hoang dại, rồi leo lên hàng đá lót đường. Và vẫn giữ nguyên cái sức mạnh điên khùng ấy, nó vùn vụt lao lên như một cái xe tăng...

Tất cả thở phào, nhẹ nhõm. Hai người khoác áo mưa vội vã bê hai hòn đá chạy theo. Lúc thường, khó lòng có sức khỏe để bê hòn đá to như thế, và chạy nhanh được như thế. Khi chiếc máy xúc đã hết đà lên, hai hòn đá kê luôn vào phía sau bánh xích, và sức nặng hai trăm mười tấn của nó đè xuống. Nghe "xèo" một tiếng như tiếng của hòn than nóng nhúng vào nước. Và nó dừng lại. Người lái bước ra, thân như bị vuốt dài, mỏng mảnh, mặt tái nhợt, mồ hôi đầm đìa. Bố! - Tôi chột kêu lên, nhưng bố tôi không nghe thấy. Bố tôi không nhìn thấy tôi. Bố tôi như cũng không nhìn thấy ai, bước đi lảo đảo, dáng cao và mềm như cái cây bạch đàn bị bão, đã tước hết lá. Hai người đi sau vội chạy đến, dìu bố. Chiếc xe con của giám đốc lao đến. Người ta xốc nách bố tôi, đưa vào trong xe. Trông người bố tôi mềm oặt. Xe nổ máy lao đi...

Tôi vội túm một chú công nhân đứng gần, hỏi dồn:

- Bố cháu làm sao thế ạ?

Chú nhìn tôi từ đầu đến chân, rồi cười:

- Về ngủ đi chứ! Mai có đi học không?

Rồi chú nghiêm sắc mặt, chậm rãi nói thêm:

- Lần sau đừng có liều lĩnh mà đi như thế này nhé. Đêm mưa mờ, nguy hiểm lắm.

Tôi lại hỏi dồn:

- Bố cháu có làm sao không?

- Không.

- Thế xe đưa bố cháu đi đâu thế?

- Về nhà an dưỡng mờ.

- Bố cháu đang ốm đấy.

Chú bỗng quát to:

- Về ngủ đi, hai "ông tướng"!

Lúc ấy, tôi mới nhớ đến Cường. Nó vẫn đứng sát bên tôi.

Chiếc máy xúc thứ hai tránh được ổ lầy của cái trước. Nó đã lần được lên đoạn đường lót đá. Chậm rãi và chắc chắn, nó nhích dần từng bước và vượt lên từ từ. Ông Tư cho máy xúc lên ngang tầng trên, rồi mới nhảy ra. Trong đêm nay, ông đã lái lên ba, trong số chín cái máy xúc của cả mỏ, từ dưới lòng moong bị ngập nước. Ông bước đi thanh thản, nhẹ nhàng như những công việc nặng nề, chưa hề làm giảm sút được sức lực của ông. Dáng ông to lớn, nổi bật trên nền trời vùn vụt của vịnh Bái Tử Long.

Cường chia tay tôi, cùn cụt chạy theo bố nó.

Mưa đã tạnh hẳn. Nước từ các triền núi chảy theo các rãnh ngoằn ngoèo, vẫn ồ ồ đổ xuống lòng moong. Điện vẫn mờ mờ sáng. Đáy moong bỗng chốc huyền ảo, vừa quen thuộc lại vừa xa lạ. Không còn chiếc xe nào chạy trên đường. Những cỗ máy khoan đứng im như những con thuyền bị mắc cạn. Các lỗ khoan chắc còn ong ong nước. Trong phút chốc, mỏ đã bị ngừng trệ. Mỏ sẽ phải vất vả nhiều ngày mới khôi phục được mức sản xuất cũ. Tôi chợt nhớ đến chiếc phà bơm đang được thi công, và những lời nói đầy nghị lực của chú kỹ sư trưởng.

Tôi bước lên đỉnh dốc, tìm con đường tắt để về nhà. Phía tây, những đám mây cuồn cuộn đen như những đụn khói bom chưa tan. Chân trời phương Đông, trăng đã sắp hiện lên, mặt biển rùng rục như có đám cháy lớn.

Chương VI

NHỮNG CÔNG VIỆC SAU CƠM MƯA - TÔI THÀNH NGƯỜI NỘI TRỢ - CHUYỆN TRONG GIA ĐÌNH

Bố tôi chỉ nằm ở nhà an dưỡng ba ngày, rồi xin về nghỉ ở nhà. Gọi là nghỉ, nhưng sự thực, bố tôi vẫn làm việc, chỉ không lên công trường thôi. Một chiếc máy nói mới tinh, được đặt ở cái tủ gỗ nhỏ, ngay đầu giường nằm. Bố tôi nghe và trả lời các câu hỏi. Hằng ngày, bố tôi vẫn uống thuốc Nam. Phần lớn các vị thuốc do mẹ tôi kiểm dọc đường đi làm về. Mẹ tôi vẫn ở tổ sửa đường. Sau cơn mưa lớn đột ngột ấy, nhiều đoạn đường bị sụt lở. Theo mẹ tôi tính, có nhanh cũng phải bốn năm ngày sau, đường xá ở mỏ mới khôi phục được như trước. Đi làm về, trong làn mây của mẹ tôi, ngoài cái cặp lồng đựng cơm, thường có một gói thuốc bằng các thứ lá ngắt ở rừng. Mẹ tôi là người dân tộc Sán Dìu. Không bao giờ mẹ tôi nói về mình. Tuy vậy, tôi và anh Tĩnh đều hiểu rằng, cuộc đời cũ của mẹ có nhiều nỗi buồn. Chúng tôi lớn lên, rất thương mẹ. Không bao giờ chúng tôi thấy bố mẹ to tiếng với nhau. Các việc trong nhà, bố tôi luôn bàn bạc với mẹ, và thường nhường cho mẹ quyền quyết định cuối cùng. Từ đầu năm nay, mẹ tôi được đề bạt làm tổ trưởng, phụ trách hơn hai mươi người, phần lớn đều có con mọn. Công việc bận, nên việc mua thức ăn gặp nhiều khó khăn. Bữa cơm giảm món ăn, nhưng bố tôi không kêu ca gì. Một lần ăn cơm xong, bố tôi bảo:

- Mình đi làm về mua thức ăn cũng được. Nhưng khổ cái là chị em cân đong cho mình, cứ nặng hơn người khác một tí. Nói ra không tiện, mà mang về cũng không yên lòng. Vào chợ mua, mình cứ phải tìm người lạ mà mua. Thành ra vừa mất thì giờ mà có khi vẫn không mua được.

Thế là tôi, xưa nay vốn là người chuyên nấu ăn, bây giờ nhận thêm việc đi chợ mua thức ăn. Tôi phải nhớ và luôn mang theo các loại tem phiếu. Ông tôi giờ bàn tay hộ pháp, đe:

- Cấm được tắt mắt hay mua gian nói dối. Ông mà thấy ai nói mào như thế thì ông chặt tay.

Mẹ tôi dịu dàng bảo:

- Cháu nó không có tính xấu ấy đâu.

Bố tôi im lặng không nói gì.

Gia đình tôi lúc nào cũng vui vẻ, hòa thuận. Anh Tĩnh tôi thường ở hẳn với đoàn xe, chỉ thỉnh thoảng mới về. Hôm bố tôi còn mệt nghỉ ở nhà, anh đưa về một người bạn gái. Tưởng ai, hóa ra chị Phạm Thị Yến, chị ruột của Cường. Chị thùy mị, nết na lắm, nên mẹ tôi vui mừng, có vẻ sẵn đón nữa. Mẹ tôi như trẻ hẳn ra, lú ra lú rú đến lạ. Ông tôi thì cười khà khà...

- Cứ hợp hai nhà lại là ta có hẳn một cái mỏ rồi. Đủ hết các loại thợ - ông liếc bố tôi và mỉm cười, nói thêm - có cả lãnh đạo nữa chứ.

Rồi ông tôi lại cười khà khà, xoa hai tay vào nhau. Đây là dấu hiệu ông tôi vui lòng.

Bố tôi không nói gì. Tính bố tôi vốn dè dặt. Và như thế, nghĩa là xong. Còn tôi thì mừng lắm. Tình bạn giữa tôi và Cường, càng gắn bó thêm. Tôi muốn chúng tôi sẽ thân nhau mãi mãi.

Sau cơn mưa tẻ hại ấy, ông tôi làm việc và ở miết tại công trường, thỉnh thoảng mới về nhà. Lệ thường, chưa thấy ông đã nghe thấy tiếng. Ông lập tức quát tháo om sòm. Thôi thì, đủ mọi thứ không vừa ý ông. Cái ghế để lồi thoi ở giữa nhà, tờ giấy nháp tập làm văn rơi xuống gầm giường, cái máng ăn của lợn bẩn thỉu, cái chổi lúa bị gà mổ tóa ra ở sân... Ông quát tháo thế là ông vui. Còn nếu ông không nói năng gì, mới đáng lo ngại. Ví như một buổi trưa, ông xách về con cá dưa to và dài như cái đòn gánh, trông gớm ghiếc. Ông vớt nó xuống bên bể nước rồi làm lủi vào nhà. Ông ngồi xuống chiếc ghế đóng bằng gỗ hòm mìn, chiếc ghế kê kê lên một tiếng "rắc". Ông cởi cái áo dày, sực nức mùi mồ hôi và nắng, vắt lên thành ghế, một lát sau, cảm thấy lạnh, lại mặc vào. Ông đi đi lại lại trong nhà, rồi ông lại cởi áo ra, treo vào cái đỉnh thuyền, đóng ở cạnh cửa ra vào. Da ông đỏ au, những thớ thịt sần, rắn chắc như được bện lại. Thời tiết tháng ba thực là kỳ cục. Mặc áo vào thì nóng, cởi áo ra thì lại thấy lạnh. Cuối cùng, ông khoác áo lên vai, đứng sững ở giữa nhà, đưa bàn tay to bè lên vuốt mũi. Đó là dấu hiệu ông sắp nổi giận. Nhưng chờ mãi, chẳng thấy ông quát lên điều gì. Hai tiếng "e hèm", "e hèm" cũng không. Vậy là trong thâm tâm, ông bực dọc lắm lắm. Ông ngồi xuống mép giường, bần thần một hồi lâu. Lát sau, ông gọi tôi đến. Ông xòe hai bàn tay ra và bảo:

- Cháu sờ kỹ vào hai bàn tay của ông đi...

Tôi ngồi bên cạnh ông và nắm lấy hai bàn tay ông. Hai bàn tay cứng và ấm. Da lòng bàn tay ram ráp như vảy cá. Dưới mỗi ngón tay đều cộm một vết sần, rần như cái bọc nhỏ.

-Cháu thấy tay ông nó... nó thế nào?

Ông bỗng nói lấp, giọng hơi rung, hơi thở nóng và gấp... Có điều gì thế, ông ơi?... Tôi đưa hai bàn tay thô ráp, cộm những nốt sần của ông, áp vào hai má mình.

- Ông không được đi học. Suốt đời ông chả biết chữ nghĩa là gì. Trí khôn của ông chỉ nằm ở những nốt sần ấy. Những nốt sần ấy nó biết nghĩ đấy.

Chả gì, tôi cũng đã học đến lớp bảy, nên tôi đủ hiểu là, ông nói quá lên vậy thôi. Nhưng tôi vẫn thích cách nói của ông.

- Bao nhiêu năm, ông luôn tin vào những nốt sần ấy, cháu ạ. Vậy mà bây giờ, nó phản ông.

Ông bỗng quát to:

- Nó phản ông. Nó... Nó phản ông!

Tôi chả hiểu đầu đuôi ra sao. Nhưng tôi biết tính ông. Những lúc như thế, hãy để ông tự nói, chớ có đại dột mà hỏi.

- Nó phản ông. Và ông, ông lại phản... lại phản những người thợ.

Ông bực dọc, đứng lên, đưa tay vuốt mũi một thôi, một hồi. Cái mũi vốn đã to của ông cứ đỏ ửng lên như quả cà chua chín. Rồi cánh tay ông như rơi xuống vai tôi, nặng nề như một thanh gỗ lim. Tôi giữ bàn tay ông trong lòng tay mình, khe khẽ vuốt những ngón tay to cứng như song sắt cửa sổ của ông. Có lẽ cử chỉ ấy, làm ông cảm động. Ông hỏi, giọng âu yếm:

- Cháu có yêu ông không?

Tôi muốn nói là tôi yêu ông lắm. Nhưng tôi lại im lặng.

- Ông muốn cháu phải chăm học để làm một người thợ thực sự. Cháu hãy noi theo kỹ sư trưởng. Chú ấy nghĩ ra được những điều mà người khác không nghĩ ra được. Chú ấy lại làm được những điều mà chú ấy đã nghĩ ra. Đấy là một người thợ "thực sự". Một người thợ như thế, hai mươi năm sau vẫn còn đứng vững được trong nghề...

Giọng ông bỗng mềm mỏng, suy tư.

Tôi chợt nhớ đến chú kỹ sư trưởng, vóc người mảnh mai, nước da hơi tái, dấu vết chưa lặn hết của những trận sốt rét rừng. Và động tác chào, giống tư thế chào của đội viên thiếu niên tiên phong. Tôi như còn trông thấy cái dáng chú ngửa mặt lên trời, mơ mộng, và câu nói của chú,

trở lại tâm trí tôi như một châm ngôn: "Hãy tin tưởng vào trí tuệ của tập thể".

Lúc ấy, có tiếng gậy khua lách cách vào bờ hè lát gạch nghiêng của nhà tôi. Ông Tư Đặc đã sang. Tôi đứng dậy, định tìm phích nước để pha trà mời ông, thì ông tôi quát:

- Ở cái thằng... Mà định để con cá dưa của tao thối ra à? Có đi làm cá không?

Chương Không Đánh Số

Tôi xuống bếp lấy dao thớt để làm cá dưa. Ông tôi rất thích ăn chả cá. Tôi sang nhà ông Tư Đặc mượn chày, còn cối, thì ông tôi đã khoét hẳn vào một tảng đá rất to liền khối, nhô ra cạnh bể nước. Đây là phần nổi của một quả núi đá còn chìm trong lòng đất. Chả nhà ai có cái cối đá lạ lùng và chắc chắn đến như vậy.

Đạo này, ông tôi và bố mẹ tôi đều đi làm miết, lúc nào cũng vội vàng, bận rộn. Tôi chính thức trở thành người nội trợ. Tôi học và làm bài vào các buổi tối. Còn ban sáng thì chợ búa, cơm nước. Mẹ tôi bảo: "Con trai cũng có thể nấu ăn khéo léo và ngon lành được như con gái".

Những hôm rỗi rãi, lại vào dịp nước rút, tôi ra bờ biển thuôn cá nhệch và bắt cua. Mẹ tôi rất mê món cá nhệch kho khô với riềng, còn bố tôi lại thích món cua xé thịt nhỏ, phi hành mỡ, rồi nấu riêu với me, hoặc cà chua, bên cạnh bát riêu có thêm một vài củ hành tươi bóc vỏ, với ít ngọn húng quế.

Tôi mang chày về nhà và bắt đầu cho các khoanh cá dưa vào cối giã. Chuyện của ông tôi và ông Tư, tôi nghe không được đến đâu đến đâu. Tôi cũng không có ý định nghe, nhưng khốn nỗi, ông tôi nói to quá. Hình như hai ông đã tranh cãi nhau về một việc gì.

- Không lọt lỗ tai được - Ông tôi nói - Chính tôi đây này, đã bốn mươi năm cầm búa, vậy mà tự tay tôi, chính tay tôi, tôi đã gò sai quy cách một mảnh tôn lớn, ghép ở đáy phà bơm. Thế là ông bảo làm sao? Đến lúc tôi kiểm tra mỗi hàn của bọn thợ trẻ, tôi mới thấy điều đó. Khổ cái là nó lại ở đáy phà. Đáy phà.

- Phòng kỹ thuật chắc phải kiểm tra, rồi mới cho hàn chứ? - Ông Tư hỏi.

- Mình kiểm tra mình chứ còn phòng nào. Tôi đã bảo kỹ sư trưởng: "Đập mối hàn ra, để tôi làm lại. Tôi không hưởng lương".

- Anh ta bảo sao?

- Chẳng bảo sao cả. Cứ cầm tay tôi mà lắc tí lên.

Ông Tư cười khặc khặc.

- Tôi thật ngưỡng với cái Thủy. Nó mới vào nghề hàn, vậy mà nó hàn thế nào, ông có biết không? Tôi đã quai vào mối hàn của nó đến năm nhát búa cật lực, tuyệt nhiên không có một vết rạn. Tiếng búa nghe trong như tiếng khánh bạc. Bong lớp nhũ ra rồi, đường hàn mới đẹp làm sao. Chúng xếp lên nhau như vảy cá chép, nét mềm và dịu lảm. Đúng là đường hàn của con gái. Thử hỏi thời Tây, có được mấy thợ hàn giỏi đến như thế...

Hình như câu nói của ông, chạm vào lòng tự ái của ông Tư Đặc, hay ít ra là tôi đoán thế. Từ lúc ấy, tôi không thấy ông Tư nói thêm điều gì.

Lát sau, ông Tư đi ra ngoài sân, đưa chiếc gậy trúc khua khua trên đầu, áng chừng đoán xem chiều cao của vòm lá cây giâu gia. Cây giâu gia độ này đang vào mùa hoa, màu hoa trông mờ mờ trắng như màu khói nhạt, trên vòm lá xanh mơn mớn, mỡ màng. Ông đứng lặng, trang nghiêm và kính cẩn đến mức buồn cười. Hai cánh mũi ông nở rộng ra, phập phồng, vết sẹo ở hố mắt giật giật, gò má thoáng một nét rung rinh mơ hồ. Sợi râu dài phơ phất.

Đúng lúc ấy, từ công trường ẩm ướt hơi mưa, vọng lại một loạt tiếng nổ âm và rền... Ông Tư lẩm nhẩm không biết những câu gì, rồi chép chép miệng. Tôi vội vàng đứng dậy, đưa tận tay ông chén nước trà nóng, hãm đặc. Ông cười, lệch hẳn một bên miệng, nụ cười mừng rỡ mà vẫn khô héo thế nào, tôi không hiểu nổi.

- Cháu ngoan lảm, ngoan lảm! - Ông xuýt xoa khen, rồi đưa chén nước lên miệng, dè dặt nhấp từng tí một, như người thưởng thức vị trà chứ không phải uống trà.

- Tiếng nổ khá đấy chứ? - Ông tôi từ trong nhà nói vọng ra, giọng vẫn hồ hồ - Ông có đoán được bao nhiêu tấn thuốc nổ không? Mười sáu tấn đấy. Tất cả đều do bọn trẻ làm cả. Ngày xưa, ông cho nổ bao nhiêu tấn thuốc nổ một lần. Hả?

- ...

- Có dám cho nổ vào giữa lúc trời đang mưa rất to không? Hả?

- Ông cứ làm như tôi ghen ghét gì bọn thợ trẻ không bằng - Giọng ông Tư nhỏ nhẹ, từ tốn, lại có một chút gì như sự xót xa. - Ai làm được cái gì, tôi đều mừng cả. Tôi không biết thì tôi mới hỏi. Mắt mũi tôi thế này...

Ông Tư hự hự trong cổ, không ra nói, cũng chẳng ra cười, rồi lặng lẽ khua gậy về nhà.

Còn ông tôi thì đi vào gian buồng xép. Tôi nghe thấy tiếng đảo hòm lục cục. Tiếng búa đing, lắ-lê, ê-cu chạm nhau, nghe khô và nặng. Nếu những dụng cụ ấy cũng có cảm giác, thì chúng sẽ rất đau đớn, vì sự va chạm xáo trộn liên hồi của ông.

Ông lấy thêm đồ nghề để đi làm. Dường như ông gò sai quy cách một tấm tôn, là tại chiếc búa ông dùng không quen vậy. Ấy là tôi nghĩ thế.

Chương Tiếp Không Đánh Số

Một hôm, anh Tĩnh tôi ăn cơm chiều ở nhà. Mặc dù vô ý nhai cả quả ớt lẫn trong rau ghém, anh vẫn phải khen món riêu cua của tôi là ngon.

Lúc ngồi uống nước, bỗng nhiên bố tôi hỏi:

- Tuần này anh chở bùn hay chở đất đá?

- Con chở bùn.

- Không biết tại máy xúc hay tại các anh, mà xe chở bùn nào cũng thấy rất vui. Chở vui thế, thì đến bao giờ mới hết bùn dưới lòng moong, để lấy than và đặt phà bơm được.

- Đầy hay vui không phải tại chúng con đâu.

- Tại máy xúc à?

- Không phải, tại mẹ con đấy!

Ông tôi đang xỉa răng, nghe thế, liền quát:

- Láo! Tại sao mà chở vui lại đổ cho mẹ mày. Không lọt lỗ tai được.

Anh tôi đỏ mặt, lúng túng đáp:

- Cháu nói vui thế, vì mẹ cháu làm đường. Mà đường từ đáy moong lên xoáy tròn ốc, độ dốc lại lớn. Ông tính, bùn thì loãng, cứ theo độ dốc của thùng xe, mà chảy ra ngoài, thành ra lên đến đầu đường, bùn chỉ còn được một nửa.

Ông tôi bảo:

- Mai tao thử ngồi xe với mày xem sao. Nếu mày ăn bớt bùn, cho nhanh chuyển, tao sẽ nện cho một cái lắc-lê.

- Vâng, cháu mời ông.

Lát sau, bố tôi hỏi:

- Chị Yến vẩy đầu đường ở đâu?

- Đầu tầng hai trăm tám lăm ạ.

- Anh cũng đổ bùn đất ở đấy à?

- Vâng.

Bố tôi im lặng. Ông tôi đập luôn:

- Thế thì nó tính cho mày, cứ một xe thành hai...

Anh tôi đỏ mặt:

- Ông cứ nói đùa. Ở đầu đường, đâu phải chỉ có mình cô ấy, mà có phải ngày nào, cô ấy cũng có mặt cả ba ca.

Ông tôi cười khà khà. Tiếng cười rất hồ hởi, sảng khoái. Còn anh tôi thì bần khoản ra mặt. Chắc anh không hiểu vì sao, bố lại bất ngờ hỏi thế, hay bố có điều gì không hài lòng về anh. Anh gãi gáy một lúc rồi hỏi:

- Bố nói thực cho con biết... Hay bố nghi ngờ gì?...

- Nếu nghi ngờ gì, bố đã nói ngay. Danh dự của người công nhân là sự trung thực. Ấy là bố nói chung như thế, chứ không ám chỉ gì con. Bố đang lo làm sao sớm lấy được than ở dưới đáy moong và đặt phà bơm vào độ sâu đã quy định...

Chương VII

ĐÊM THÁNG TƯ Ở TRẠM VẮY ĐẦU ĐƯỜNG - CÔNG TRƯỜNG BƠM DƯỚI MỰC NƯỚC BIỂN

Bố tôi đi họp về sớm. Mẹ tôi thịt một con gà thiến to kẹ, lại đồ cả chỗ xôi nếp đỗ xanh nữa. Biết ông tôi và chị Yến không về ăn được, mẹ tôi lèn xôi đỗ vào hai cái cặp lồng, và xẻ thịt gà bọc vào giấy báo, bảo tôi mang lên cho ông và cho chị. Ông tôi dạo này thỉnh thoảng mới đảo về nhà, hình như chỉ để tìm một thứ gì đó, rồi lại đi ngay lên công trường. Chị Yến thì đi thông hai ca.

Chị bây giờ đã là con dâu của bố mẹ tôi rồi. Quê gốc chị ở một làng chuyên trồng cam thuộc huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị ít nói, tiếng nói nghe dịu và nhẹ. Mái tóc đen mềm của chị dài vừa chấm gấu chiếc áo xanh màu trứng sáo chị thường mặc.

Trạm vầy đầu đường của chị là một cái chòi nhỏ, hình vuông, trông tựa tựa như cái quầy bán báo, hay bán xổ số ở vỉa hè các thị xã tỉnh lẻ. Trong trạm chỉ có một quyển sổ to, bìa màu nâu, lem nhem đất bụi để ghi số chuyến của mỗi xe trong một ca. Chị thường đứng ở ngoài trạm, sát đầu đường bãi thải, tay cầm cờ hiệu, chị vẫy cho xe đến, tiến hay lùi, để xe đỗ đất đá an toàn vào đúng chỗ, rồi thò tay qua khung cửa sổ, ghi vội số biển của chiếc xe vừa đến đỗ đất đá. Nghe nói năm trước, không rõ vì lái xe, hay vì người vầy đầu đường, mà một chiếc xe ben-la đã lăn từ đầu đường cao hai trăm tám mươi lăm mét, xuống bãi thải.

Ở nhà tôi nhìn lên, chỗ này cao ngút mắt. Xe dốc ben, đổ đất, trông cứ như bao diêm dựng ngược lên trời. Toàn cảnh của đầu đường, trông hệt như tranh vẽ miệng núi lửa trong sách địa lý lớp năm. Suốt bao năm nay, nó luôn luôn gọi lên trong tôi những gì ngang tàng và bí hiểm.

Bây giờ là một đêm trăng tháng tư. Trời trong mát. Mây trắng mỏng tang bay từ biển vào, lang thang trên đầu. Màu trời xanh nhạt. Mảnh trăng cong như một cái xương mang cá, ai vớt lên vom trời. Dưới ánh sáng điện, mảnh trăng trông nhọt nhọt và nhàn rồi thế nào ấy. Ở đây, thấy rõ vàng trắng gần gũi, chứ không cao xa như khi đứng dưới góc sân

nhà mình. Vậy mà, chưa bao giờ tôi cảm thấy vàng trắng thân yêu của tuổi thơ tôi lại nhỏ bé và thừa thãi thế kia.

Chị Yến chỉ nói được với tôi những câu nhát gừng, đứt đoạn. Chị luôn luôn phải đón xe và chỉ dẫn cho xe đổ đất. Tranh thủ trước mùa mưa bão, moong phải xuống sâu hơn, than phải lấy ra nhiều, đất đá bóc đổ đi, càng phải nhiều gấp bội. Xe trước vừa quay, xe sau đã đến. Tiếng xe kết liền nhau thành một chuỗi âm thanh... Chị giơ cờ hiệu. Chị vẫy tay để báo cự ly. Chị đứng để bản thân mình thành một cái cọc tiêu cho xe đổ đất đá. Bụi mù mịt. Bụi khủng khiếp. Một công trình nghiên cứu cấp nhà nước, đã kết luận: Bụi ở đầu đường mở chúng tôi đến sáu ngàn hạt trong một xăngtimét khối, gấp năm trăm lần mức nhiễm bụi cho phép. Nhiều lúc lẫn vào trong bụi, tôi không trông thấy cái dáng đậm đà của chị dâu tôi.

Bây giờ, tôi mới hiểu vẩy dầu đường là một nghề quan trọng và vất vả như thế nào. Những sáng mưa xối. Những trưa nắng lửa. Những chiều gió bắc thổi ngang trời, mạnh đến cấp sáu, lạnh thấu xương. Những đêm sương muối, khớp tay buốt thon thót. Bất kể thời tiết nào, chị đều phải đứng và làm việc như thế, trong quầng sáng mờ đục của bụi, của ngọn đèn tái nhợt ở đầu đường, và của các vệt đèn pha sáng quắc quắt ngang dọc vào mắt. Vậy mà, trước đây nhìn hòn than, có bao giờ tôi nghĩ đến những người con gái, học hết lớp bảy, lớp mười, chỉ làm có một việc là đứng vẩy dầu đường.

Không biết bận rộn thế này, chị tôi ăn xôi vào lúc nào. Tôi để cặp lồng xôi của chị vào góc trạm, chỗ mà tôi tin là bụi ít bay vào được, còn thịt gà gói giấy báo, tôi bắn khoản không biết để vào đâu. Chị tôi bảo để xôi cho chị thôi, còn thịt mang cả xuống moong cho ông. Ông còn vất vả hơn chị nhiều.

Tôi đi, lòng tự nhiên cảm thấy băng khuâng, trống trải. Có thể là vì cái vàng trắng nhạt nhẽo ở ngay trên đầu, và vòm trời bốn phía mênh mông, thăm thẳm, lác đác những vì sao phập phồng như những bong bóng nước.

Xuống moong bây giờ đâu phải là việc đơn giản. Moong đã xuống sâu đến bốn mươi lăm mét dưới mực nước biển. Trong ánh trắng và ánh điện mờ ảo, cái moong hết sức hiện đại này, lại phẳng phất giống như cái cung vua trong chuyện cổ tích của An-đéc-xen. Nướm nướp xe xuống, xe lên, theo đường xoáy tròn ốc, tất cả đều nhỏ bé và sinh động lạ lùng. Vang rền trong moong là một âm thanh tổng hợp, ầm ầm ào ào

như ong vỡ tổ. Không thấy phà bơm ở chỗ nào. Cũng không thấy văn phòng công trường bơm, vừa được dựng lên, và cái bếp ăn của bà Tư Máy Xúc ở đâu. Tất cả bâng lảng trong sương khói mung lung.

Xuống moong bây giờ, đi đường vòng phải đến bảy hay tám cây số. Tụt thẳng xuống chỉ hơn hai trăm mét thôi, nhưng rất nguy hiểm. Đất đá có thể rơi theo, có khi bò xuống rồi, đất đá ở trên mới rơi xuống chỗ mình. Không thể được. Cuối cùng, tôi nghĩ, cứ đứng ở ngã ba đường xuống moong mà chờ. Thế nào cũng có xe. Các loại xe vận tải thì nhiều, nhưng buồng lái chỉ có một chỗ ngồi mà cao ngất ngưỡng như cái nhà hai tầng. Tưởng có thể đi lom khom dưới gầm xe được. Chờ xe con vậy.

Khi chiếc xe con chạy đến, tôi giơ cặp lồng trắng lên làm hiệu, và xe dừng cách tôi hơn chục mét. Nhô ra cửa xe, là chú giám đốc với mái tóc quăn tự nhiên quen thuộc và gương mặt xương xương hốc hác hơn ngày thường. Tôi ngồi cạnh chú. Xe chạy ngay. Lúc bấy giờ, tôi mới thấy hai người ngồi ghế sau. Chú tiến sĩ nghiên cứu chế tạo sơn để sơn cánh quạt phà bơm và chú kỹ sư trưởng cơ điện.

Chú giám đốc quay lại hỏi tôi:

- Cháu mang gì trong cặp lồng đấy?

- Cháu mang thức ăn bồi dưỡng cho ông cháu. Đạo này, ông cháu cứ ở miết dưới công trường bơm.

- Nay, lần sau không được đi lại lung tung như thế này nhé.

Ngừng một lát, chú nói thêm:

- Từ ngày mai, mỗ sẽ tăng thêm khẩu phần cho ca đêm và các ca lao động mệt nhọc.

Xe đã qua trạm điều vận đặt ở đầu đường xuống moong. Quay lại, tôi còn thấy những con số bật sáng long lanh trên bảng điện màu. Đã trông thấy những ống thép lớn - các cột nước của phà bơm - nằm ngổn ngang dọc một vệt tầng từ trên xuống. Không biết nó đã được vận chuyển như thế nào, trong địa hình rất dốc. Không thấy ông tôi ở đâu.

Xe đã xuống sâu. Vàng trắng đã khuất hẳn sau đỉnh núi cao phía bên kia bờ moong. Ánh sáng âm âm như trong đêm nguyệt thực. Gió lùa vào cửa xe rà rà.

Xe dừng lại trước ngôi nhà mà ở những tầng trên, tôi đã trông thấy như một quyển sách màu nâu. Đây là văn phòng công trường bơm, vừa mới thành lập.

Tôi bước xuống xe và ông tôi cũng bất ngờ nhô ra từ phía sau ngôi nhà màu nâu đó. Suốt đời, có lẽ tôi không sao quên được cái ấn tượng

lúc ấy, khi ông tôi đột ngột hiện ra trong ánh sáng chói ngời của ngọn đèn năm trăm oát bảo vệ cạnh văn phòng. Ông đội mũ lá, mặc áo khoác không cài khuy, vạt áo lòa xòa, người như thấp hẳn xuống, đầu gối choãi ra, bước khệ nệ. Ông đang khênh một đoạn ống thép, to và dài, một mình ông khênh đầu, ở giữa có hai người, còn ba người khênh cuối. Trông thấy tôi, ông quát luôn:

- Lui! Lui!

Hình như ông sợ nhờ ai đó không chịu được sức nặng của ống thép, có thể vứt ống xuống, lăn vào chân tôi. Nhìn ông, tôi biết là ông khênh nặng lắm và đã cố gắng lắm. Lưng ông oằn xuống.

Phía dưới ông, là khoảng đất bằng, đã đặt vỏ phà bơm, trông cao to như nền một ngôi nhà. Một chị che mặt nạ đang ngồi hàn - tôi đoán chắc là chị Thủy. Hoa lửa hàn tung tóe, chói lói.

Cách nơi đặt vỏ phà bơm chừng năm mươi mét, có mấy tấm bạt căng trên những cọc sắt, chắc là nơi tạm che sương nắng cho công nhân nghỉ. Dưới nữa là mặt nước đen thẫm, một góc sáng choang trong ánh điện lòa lòa. Tôi ngạc nhiên và sung sướng khi biết mình đang đứng thành thoi ở độ sâu bốn mươi lăm mét dưới mực nước biển. Trời ở trên đầu và biển cũng ở ngay trên đầu, nếu có thể nói được như vậy.

Bây giờ tôi mới thấy khó thở. Tôi thở một cách khó nhọc. Có lẽ là tôi chưa quen. Nhìn lên, vòm trời tròn như úp kín xuống các triền núi bao quanh moong, vừa khoáng đạt lại vừa chật hẹp. Những ngôi sao như xa lạ hẳn, mờ mờ, thoi thóp. Tôi chợt nhớ mùa hè năm ngoái, đoàn sinh viên trường đại học sư phạm Hà Nội về thăm moong, có chị đã ngắt xiủ, phải lấy xe giám đốc chở lên ngay. Những người thợ chuyên làm việc ở đây, tuy đã thích nghi với điều kiện sống thiếu dưỡng khí, nhưng nhìn kỹ vẫn thấy da họ hơi tái tái. Sức chịu đựng của người thợ mỏ thực là ghê gớm.

Đã thấy ông tôi đứng ở đầu tầng giơ tay vẫy. Tôi xách cặp lồng và cầm gói giấy báo chạy lại. Ông hỏi:

- Cháu xuống bằng gì? Đi bộ hay bò tụt xuống?

- Cháu đi nhờ xe chú giám đốc.

- Được. Có một đường đi tắt lên bờ moong. Lúc nào rồi, ông sẽ chỉ cho. Mà cũng chẳng cần. Cấm không được bạ chỗ nào cũng lên xuống. Bây giờ cháu ở đây, tí nữa có xe ca xuống đón. Lần sau không được đi lại thế này.

- Đêm nay, ông khênh ống thép à?

- Không. Ai mà khênh được. Máy nó kéo chứ.
 - Cháu vừa thấy ông khênh đẩy thôi...
 - À, có một đoạn, khi vắn đi vắn lại, nó lặn xuống tầng dưới. Chả nhẽ lại phải điều đến cả một cái máy, lích kích lằm.
 - Ông khỏe thật, cháu trông mà phát khiếp.
- Ông cười khà khà:
- Mang xuống cho ông cái gì đấy? Ơ... Sao nhiều thế?
- Ông kéo tôi vào bếp bà Tư Máy Xúc. Bà đang thái bánh phở bồi dưỡng ca đêm.
- Ông tôi đưa gói thịt gà cho bà Tư và bảo:
- Bà thái thịt ra cho vào mỗi bát phở một ít. Cứ bảo là phó giám đốc bồi dưỡng anh em ta đêm nay đây..

Chương VIII

NGÀY CHỦ NHẬT -

CHUYỆN CHẴNG CÓ GÌ QUAN TRỌNG

Được một ngày chủ nhật mọi người đều ở nhà, ông tôi coi đó là phần thưởng lớn cho cả gia đình. Ông quyết định làm bữa ăn tươi, toàn bằng đặc sản biển. Ông xếp đặt công việc:

- Mẹ thằng Tĩnh đi chợ. Vợ thằng Tĩnh nấu bếp. Thực đơn nhất nhất phải theo lệnh của tao.

Ông nói cho oai vậ thôi, chứ bữa ăn tươi nào, cũng có mấy món chính, quen thuộc: mực luộc chấm mắm tôm - chanh, chả cá dưa, tôm rán tẩm bột mì, cá song hấp và thịt cua biển nấu miến. Tôi hỏi:

- Thế cháu làm gì?

Ông cười khà khà:

- Hôm nay cho cháu đi chơi.

Ông quay sang bảo mẹ tôi đang loay hoay tìm làn để đi chợ:

- Nó vất vả hàng tháng nay rồi, cho nó sống chuồng một lúc...

Tôi lấy xe của chị Yến, đạp ra phố. Dãy nhà bên đường đen sẫm bụi than. Cá thu phơi nắng, hoặc vớt ngổn ngang lên mái ngói, hoặc xâu thành từng chùm, treo vào dây thép lủng lẳng trước cửa nhà. Đi đâu nhỉ? Tốt nhất là qua nhà Cường, xem nó đã làm hết các bài tập chưa. Vừa nghĩ đến nó, đã nghe thấy tiếng nó gọi:

- Ê Tịnh. Đẳng ấy đi đâu mà hung hăng thế?

Thì ra Cường đang ngồi bầy chim sẻ, dưới bóng rợp của mấy cây nhãn. Bên cạnh, hố bom sâu chưa lấp, đầy sũng nước. Một con chèo chuộc rất to, giương mắt thô lỗ nhìn tôi, bỗng toạch một cái, lặn xuống mất hút dưới đám rác tụ lều bều.

- Ông tao hôm nay vui lắm, cho tao sống chuồng đi chơi. Làm hết bài tập rồi à?

- Ông mày đang bực thì có. - Cường nói luôn.

- Bực gì?

- Thế đẳng ấy không biết à?

Tôi ngó ra trước vẻ mặt tò mò đến quái quỷ của nó. Nó lên giọng người lớn:

- Nước đáy moong đã dâng lên mà phà không sao nổi được. Mỏ phải điều thêm mấy cái bơm gầu sòng để giữ nguyên mức nước. Nếu lại mưa to nữa, thì mày có biết điều gì sẽ xảy ra không? Phà chìm! Chìm nhé! - Nó nhấn mạnh. - Và mỏ sẽ đóng cửa. Nghĩa là không ai còn có việc làm. Tha hồ mà treo niêu. Hiểu không?

Trời ơi, một việc lớn như thế, sao tôi lại không biết. Tôi hỏi:

- Ai bảo với mày thế?

Giọng nó vẫn điềm tĩnh:

- Bố đảng ấy bảo bố đảng này chứ còn ai. Bố tao mấy hôm nay cũng lo lắng lắm.

Thế là mất hết cái thú của cuộc đi chơi. Tôi dắt xe ra đường.

- Ê, ở đây đã! - Nó gọi với.

Về đến nhà, người đầu tiên tôi trông thấy, lại là ông Tư Máy Xúc, bố của Cường. Tôi chào ông rồi lạng lẽ vào bếp. Chị Yến buộc cái khăn tắm màu cháo lòng ngang bụng, làm tạp dề, đang cời than trong bếp lò.

- Chị để em làm cho. Em biết nấu ăn mà.

- Chiều em nấu. Trưa nay là việc của chị.

Tôi ra gian ngoài, giúp anh Tĩnh pha trà. Tôi hỏi anh:

- Bố đâu rồi?

- Chú giám đốc vừa cho xe đón. Mười một giờ bố về.

Chắc lại việc "phà không nổi" đây. Tôi nghĩ thế, và đưa mắt nhìn dò xét từng nét biểu hiện trên gương mặt vuông cương nghị của ông Tư, xem có gì "lo lắng" không. Sốt ruột, tôi hỏi luôn:

- Bác ơi, sao phà lại không nổi được, hả bác?

- Cháu cũng quan tâm việc ấy à? - Ông Tư lắc lư mái tóc đã lốm đốm bạc như phoi thép. - Có thể là khớp nối thân phà luôn luôn phải nâng cao hay hạ thấp tùy theo mức nước, với ba đường ống thép lớn, nằm bất động trên tầng bè, bị đông cứng. Việc này, chú kỹ sư trưởng và ông cháu lo. Có thể đáy phà đã bịбет dính bùn đất. Bố cháu đã bác bỏ ý kiến dùng dây cáp, cắt đôi khoảng cách giữa đáy phà với đất bùn. Bố cháu cũng nghi ngờ khả năng dùng vòi bơm có áp suất lớn để sục bùn quanh đáy phà. Ông Tư Đặc hiến kế thêm: Dùng tiếng mìn nổ, tạo ra một chấn động chao lắc. Giám đốc đang nghiên cứu hệ thống lỗ khoan và lượng thuốc nổ do ông đưa ra...

Tôi vô cùng ngạc nhiên:

- Ông Tư có nhìn thấy gì đâu... Ông ấy lên công trường bao giờ...

- Mắt hỏng, nhưng ông ấy vẫn nhìn thấy cả đấy.

Đúng lúc ấy, ông tôi bước vào nhà.

Tiếng ông oang oang:

- Ông Tư đông khách lắm. Xong việc mới sang được.

Khách đây là những người trong mỏ đến nhờ ông thiếu lọn giúp. Ông tôi vẫn bô bô:

- Tôi chơi với ông Tư Đặc hàng chục năm. Vậy mà chưa bao giờ tôi chú ý đến những ngón tay của ông ấy. Nay, nó thon và dẻo nhé, thao tác cứ thoăn thoắt. Ngón tay búp măng, ông giời ạ. Thảo nào ngày xưa, khối cô gái mê... - Ông tôi cười, lần này, tiếng cười như lặn vào bên trong, gọi kín hờ những khoảng sáng bí mật của quá khứ. Tôi cũng chưa bao giờ thấy ông có tiếng cười lơ lửng và lạ lùng như vậy. Mặt ông dịu hẳn lại.

Anh Tĩnh tôi nói luôn:

- Có người bảo ông Tư Đặc hoạt động từ trước Cách mạng tháng Tám, có người lại bảo không. Cháu chẳng hiểu là như thế nào?

- Hoạt động trước Cách mạng? - Ông tôi bỗng rướn cặp lông mày bạc phếch lên. - Ai bảo mày thế? Nghe không lọt lỗ tai được...

Thế là trong cơn hứng khởi, ông tôi kể về đoạn đời còn chìm khuất của ông Tư. Ông tôi nói dài dòng, lúng cúng, nhưng đại để tôi hiểu là, có một dạo, ai cũng tưởng ông Tư là một chiến sĩ cộng sản kiên trung. Bị bắt, bị tra tấn, bị chọc mù mắt, ông vẫn không khai một điều gì, nhất là người cộng sản nằm vùng, mà ông đã đánh tháo khỏi lưới của mật thám Pháp. Thực ra, ông chẳng có công gì trong việc bảo vệ người cán bộ bí mật đó, và ông phải chứng minh mãi, người ta mới tin ông. Hồi ấy, Jôn Léc, chủ mỏ, rất nuông chiều ông, thưởng tiền cho ông luôn, nhưng lại muốn chiếm đoạt vợ ông. Vợ ông là người nết na, lại có tiếng là xinh đẹp. Trước bà cũng làm phu, sau vì ông có nhiều tiền, nên bà ở nhà nấu ăn và giặt giũ cho chồng. Một chiều ở tầng về, ông Tư đã thấy vợ treo cổ tự tử ở góc tối của gian buồng xép. Ông hạ bà xuống, và con chó béc-giê quen thuộc của Léc, không biết từ đâu chạy đến. Nó lượn quanh xác bà một vòng, rồi quỳ xuống, sủa một tiếng khản đặc. Ông Tư đưa mắt nhìn quanh và sau một cái rùng mình, ông bỗng hiểu ra tất cả. Ông lặng lẽ đến phòng cảnh sát khai báo. Không hiểu sao ông bình tĩnh đến lạ lùng.

Đêm ấy, một đêm trăng suông, ông lẳng lẳng chôn vợ trong bóng tối âm âm của góc vườn nhà. Sáng sau, vụ nổ mìn xảy ra, như ai cũng biết. Chánh mật thám mỏ, sai bọn cảnh sát đi bắt người thanh niên cách

mạng trong lúc làm việc để uy hiếp tinh thần công nhân. Léc bị buộc phải đi theo với cả con chó béc-giê to sù, màu xám, reng reng vòng bạc, lưỡi thè ra đỏ lòm... Chính ông Tư đã nói rằng, mỗi cầm hòn cá nhân đã buộc ông hành động. Ông chỉ gặp cách mạng và nhận ra ánh sáng khi hai con mắt đã bị chọc mù...

Từ rặng cúc tần ngoài ngõ, tôi đã thấy ông Tư Đặc khua gậy đi sang. Ông ngửa cái cằm hơi dài, phơ phất bay một sợi râu óng như cước, miệng mუმ mუმ cười. Tôi vội vàng đứng dậy, chạy ra hiên đón ông. Ông nhanh nhẹn cắp cây gậy trúc vào nách, hồ hởi bắt tay ông Tư Máy Xúc và anh Tĩnh tôi.

Bố tôi cũng vừa về, chào hỏi mọi người rồi vào gian trong, dáng mệt mỏi. Tôi vào theo. Bố tôi ngồi lặng xuống ghế, người như chìm đi. Tôi chợt thấy mình đau nhói ở trong ngực. Nghĩ thương bố quá, tôi hỏi nhỏ:

- Bố ơi! Liệu vài ba ngày tới, trời có mưa to nữa không?

Bố tôi giương mắt nhìn tôi, như nhìn một gã dở người. Chẳng biết từ bao giờ, ông tôi đã đứng sững ở bên cạnh. Ông quát to:

- Mưa hay không thì mày làm gì. A lê hấp!

Chưa bao giờ tôi nghe thấy ông văng ra một câu tiếng Tây ghê rợn như thế. Tôi giật nảy mình, chạy vội ra ngoài.

Lát sau, gương mặt vô cùng hồ hởi, ông tôi đứng sững ở giữa nhà, hai tay chống vào hông, dáng rất hách. Với giọng nói vừa du dương vừa đầy quyền uy, ông hỏi vọng vào gian bếp:

- Mẹ con nhà mày! Xong chưa?

Tiếng chị Yến:

- Thưa ông, xong rồi ạ!

- Bắt đầu!

Ông bồng hô to lên như thế. Tiếng hô ấy, sau này tôi chỉ còn được nghe ở một chú đạo diễn phim truyện về quay ở mỏ tôi.

Ông bố trí người vào mâm, tự tay bê bát, xới cơm, rót rượu mời mọc tíu tít, cười nói khà khà. Tôi đâu biết rằng, đấy là bữa cơm cuối cùng, ông sum họp với cả gia đình tôi.

Chương IX

PHÀ BƠM ĐÃ NỔ RỒI - MỘT NGƯỜI THỢ THỰC SỰ

Một việc bất ngờ, không ai lường trước, đã xảy ra.

Bây giờ, mỗi khi tiếng chuông điện thoại đột ngột đổ hồi dài, tôi vẫn còn giật mình.

Hôm ấy, vào khoảng gần mười hai giờ trưa, tôi đang ngồi ăn cơm chuẩn bị đi học, thì tiếng chuông điện thoại trên bàn làm việc của bố tôi, đổ những hồi dài gấp gáp.

Tôi chợt nghĩ: Bố tôi lên bộ Điện và Than, duyệt kế hoạch mở rộng tầng bè. Phà bơm hoàn thành, mỏ sẽ xuống sâu bảy mươi lăm mét dưới mực nước biển. Ông tôi, mẹ tôi và anh chị tôi đều đi làm. Ai đó còn gọi dây nói về nhà tôi làm gì? Tôi cầm ống nghe trong lòng cảm thấy vui vui. Tôi không nhận ra người nói đầu dây đằng kia là ai.

- Vâng, vâng... Cháu là Tịnh đây... Kiêu Quang Tịnh. Cháu là em anh Tĩnh, con bố Tĩnh, cháu ông Tĩnh...

- Ờ... Biết rồi! Biết rồi! Biết rồi! (Giọng nói trong dây nghe không được tự nhiên lắm) Có mình cháu ở nhà thôi à?

- Vâng.

- Cháu đang làm gì đấy?

- Lùa đàn trâu trắng vào hang đá.

- Ờ... Cái gì? Sao lại trâu trắng với hang đá?

Im lặng mấy giây. Rồi có tiếng nói:

- Này! Cháu lên bệnh viện ngay, được không?

Tôi sửng lại, sửng sốt:

- Nhưng làm sao lại phải lên bệnh viện ạ? Ai làm sao ạ?

- Không, không có gì đáng ngại đâu. Ông cháu bị cảm đấy. Cảm kha khá nặng đấy. Công trường đã đánh xe chở ông về bệnh viện mổ. Cháu lên ngay nhé.

Tôi vội bỏ ống nói xuống, rồi mới nhớ ra rằng, đáng lẽ mình phải hỏi thêm một vài điều nữa. Ví như ông tôi khỏe thế, làm sao lại có thể bị cảm được. Ví như ông tôi đêm qua còn ngủ ở nhà cơ mà, sáng nay còn

quát tháo om sòm ở nhà cơ mà... Nhưng tôi lại thấy ngay là, tất cả đều không cần thiết nữa. Phải lên ngay xem sao.

Tôi cứ để nguyên bát cơm đang ăn dở trên ghế, vội vàng khép cửa, rồi hốt hải đi ngay. Tôi ghé qua nhà Cường, nhờ nó xin phép thầy giáo cho tôi được nghỉ học một buổi.

Bệnh viện mở đặt trên vạt đồi thông non sát biển. Nõn thông nhú lên trông như nển, và tôi kinh ngạc nhận ra, cả dải đồi bệnh viện này, hàng ngàn cây thông non đã thấp nên hàng vạn ngọn nển, trang trọng và trầm tĩnh. Gió miên man.

Kỹ sư trưởng cơ điện vẫy tôi lại, vẻ mặt băn khoăn. Chú nói với cô y sĩ trực điều gì đó, cô y sĩ vội đi ngay.

Tôi hỏi chú:

- Ông cháu nằm ở phòng nào ạ?
- Y.224. Bây giờ hãy để ông cháu nghỉ.
- Bệnh ông cháu thế nào?
- Cũng gay đấy. Ông cháu vừa qua một cơn vật vã, ghê gớm. Bây giờ, ông nằm yên rồi. Nếu ông ngủ được thì tốt. Tí nữa cháu hãy vào.
- Ông cháu bị... từ lúc nào?
- Ông cháu đang gò ống thép để nối vào khớp cầu ngang cho cô Thủy hàn, thì tự nhiên gục xuống.
- Ông cháu khỏe lắm. Có ốm đau bao giờ đâu. Sáng nay, ông cháu còn quát cháu ở nhà...

- Thế... Đã cho mời cả bác sĩ từ trên tỉnh về...

Kỹ sư trưởng quay ra hỏi một bác sĩ đang đi về phía chúng tôi:

- Ông cụ đỡ chưa? Triển vọng thế nào, hả bác?
- Tôi đã khám và cho điều trị. Tình hình có lẽ gay đấy.

Tôi xin phép được vào thăm ông ngay. Thấy tôi vào, ông nhồm dậ, ánh mắt sáng lên. Tôi hơi chột dạ. Rồi ông ngả cái đầu đốm bạc, quá nặng nề xuống gối. Ông kéo tôi vào lòng.

- Ông ơi!...

Tôi gọi, nhưng sau đó không biết nói gì. Sống mũi tôi tự nhiên cay xè như ăn phải hành sống. Tôi chỉ muốn khóc.

- Cháu sờ vào bàn tay của ông đi...

Tôi nâng bàn tay cứng như sắt của ông. Da lòng bàn tay trắng mốc, ram ráp như vảy cá, rất khô và nóng rùng rục.

- Cháu thấy nó... nó thế nào? - Giọng ông đứt quãng và tôi thấy ông thở gấp - Đấy, của cải của ông, trí khôn của ông. Hai bàn tay ấy mà...

Ông ngoẹo đầu đi như để nhìn tôi cho dễ hơn. Cái nhìn của ông đăm đăm, tha thiết, mà vẫn thoáng có cái gì khác lạ.

- Cháu có hiểu không? Cháu phải học cho giỏi nhé, để rồi làm một người thợ thực sự...

Chữ "thực sự", ông hay dùng để chỉ những người mà ông yêu mến, kính phục về đức độ và tài năng.

- Một người thợ thực sự, cháu có hiểu không? - Ông tôi im lặng một lúc - Rồi cháu sẽ khôn lớn. Hai bàn tay làm lụng của cháu sẽ dạy cháu hết thảy mọi điều...

Chập tối thì anh chị tôi cùng ông bà Tư đến thăm. Mẹ tôi bước vào phòng muộn hơn. Trông thấy ông hốc hác hẳn đi, mẹ tôi bật khóc. Ông muốn làm một cử chỉ gì đó để an ủi mẹ tôi, nhưng tay ông không giơ cao lên được nữa. Ông bảo:

- Đừng khóc, con à... Bố không làm sao đâu. Bố thằng Tính chưa về à?... Đừng đánh điện cho nó. Việc nó đi là việc trọng. Đừng...

Cô y sĩ đến thăm và tiêm cho ông, ép ông uống sữa. Ông hỏi:

- Kỹ sư trưởng đi chưa? Việc đang gấp mà.

- Đi rồi ạ.

Ông gật đầu.

- Có làm ơn xoay giường hộ tôi... Tôi muốn nhìn ra cửa sổ... phía này... - Ông khẩn khoản nói.

Đêm ấy, hai mẹ con tôi thay nhau ngồi quạt cho ông. Còn ông thì nằm kê đầu trên hai chiếc gối cao, vừa thở vừa nhìn vào quầng sáng rùng rục của công trường, qua khung cửa sổ. Ông cứ nhìn như thế, không nói gì thêm. Có lúc, tôi tưởng như ông đã ngủ. Nhưng không, ông vẫn thức. Không hiểu ông nghĩ gì. Mắt ông mở to, tha thiết và dữ tợn.

Tôi không còn cảm giác gì về thời gian. Không biết chừng mấy giờ? Ông bảo tôi:

- Cháu ra ngoài lấy hòn sỏi chèn vào cánh cửa sổ cho ông. Không tí nữa có gió, là nó lại khép vào đấy...

Chắc là ông đã nói với mẹ tôi điều gì đó khi bảo tôi ra ngoài. Lúc vào phòng, tôi thấy mẹ tôi nước mắt lã chã:

- Bố ơi, bố lặn mất rồi!

Ông khẽ lắc đầu:

- Không, con ạ, bố không lặn đâu!... Bố nhặt được thằng Tính ở chợ Sắt. Bây giờ... Bố như vẫn còn trông thấy nó, mới lên ba tuổi, đứng khóc

ở góc chợ... Tiếng khóc chỉ còn khàn khàn không ra hơi... Rồi mẹ các con mất sớm... Mẹ con thương thằng Tính lắm, dặn bố không được nói với ai... Bố xin lỗi mẹ để nói với riêng con... Bởi bố muốn lòng mình... thanh thản... Bố hy vọng... biết đâu sẽ có ngày... vợ chồng con cháu con tìm lại được gia đình...

Mẹ tôi nghẹn ngào, cố nuốt tiếng khóc. Còn ông thì đột ngột ngừng lời. Rồi ông lại lẩm nhẩm không biết những gì. Lần này, ông như đang nói với một người tưởng tượng, giọng ông trầm thì, xuýt xoa... Hình như ông đang nói với bà chẳng?... Ông mỉm cười rất lạ lùng, một kiểu cười vừa ranh mãnh, vừa ngây dại mà tôi chưa bao giờ thấy ở ông. Ánh mắt ông nhạt dần. Người ông vẫn nóng rực. Và ông gầy rộc đi rất nhanh.

Trong khoảng sáng mung lung của công trường, nhìn qua khung cửa sổ, tôi bỗng nhận ra bóng dáng của một người con gái, đang tất tả đi, gần như chạy gẫn, về phía tôi. Đó là chị Thủy. Chị lao vào phòng, hơi thở hỗn hển, mặt tái xám, không rõ vì mệt hay vì xúc động. Chị gọi ông một tiếng. Một tiếng rất nhỏ lẫn trong hơi thở. Vậy mà ông lại nhận ra. Hình như có một sức mạnh ghê gớm nào đó, trong tiếng gọi mơ hồ của chị, làm ông bừng tỉnh khỏi cơn mộng mị u ám và nặng nề. Ông bỗng quay đầu về phía chị rất nhanh.

- Ông ơi! Cháu đây mà. Cái Thủy đây.

Ông tôi chớp chớp mắt.

- Kỹ sư trưởng bảo cháu đến ngay báo cho ông biết. Ông có nghe được không?

Ông tôi gật gật đầu.

- Máy bơm đã khởi động. Áp suất tăng vọt lên chín át-mốt-phe, mà khớp, đường ống và các mối hàn đều chịu được. Phà đã nổi rồi! Nổi rồi! Ông có nghe được không? Phà đã nổi rồi!

Ông tôi nhếch mép như cười. Gương mặt bỗng chốc phơn phớt hồng, như có một luồng ánh sáng hư ảo chạy qua, dưới làn da đã bắt đầu khô. Ánh mắt ông bừng lên những tia sáng cuối cùng, rùng rục, chói lói, sắc nhọn, chói bóng. Trong ánh mắt ấy, tôi nhận ra một niềm vui dịu ngọt trong lành mà tôi không thể nào diễn tả được.

Cũng lúc ấy, qua khung cửa sổ, tôi chợt nhận ra chiếc xe con quen thuộc của bố. Chiếc xe quay vào sân bệnh viện và dừng lại. Bố tôi bước xuống, vẻ mặt lo lắng. Tôi bỗng kêu to:

- Bố!

Ông tôi bỗng nấc lên một tiếng, đầu ngửa hẳn ra.

Chương Không Đánh Số

Chiều ấy, những người thợ mỏ đã đưa ông tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng. Tôi vẫn còn nhớ, chiếc quan tài sơn son của ông, từ từ trôi dưới những cành thông, mà nỡn nhú lên như nển. Hàng ngàn cây thông đã thấp lên hàng vạn ngọn nển, trang trọng và trầm tĩnh. Trên mặt quan tài, ai đã đặt lên chiếc búa quen thuộc của ông, đầu búa hơi tõe ra, cán búa hơi lõm vào, đen bóng như sừng. Gió biển thổi vào hàng thông miên man.

Khi quan tài hiện ra ở quãng đồi trọc, tôi thấy đoàn người bị tách ra làm đôi, ở giữa là một khoảng trống khá rộng, trong khoảng rộng ấy, chỉ có một người, người ấy vừa đi, vừa khua cây gậy trúc...

Tôi vẫn còn nhớ lời điệu vô cùng ngắn gọn của giám đốc mỏ. Giữa hàng trăm người đứng vây quanh linh cữu ông tôi, giám đốc trân trọng đọc, giọng nghẹn ngào mà vẫn mãnh liệt, thôi thúc.

- Đây là một người thợ thực sự! Ông đã đổ đến giọt mồ hôi cuối cùng cho sự nghiệp của giai cấp công nhân!

Nếu nghe được những lời ấy, tôi tin là ông tôi sẽ rất vui lòng...

*Viết tại mỏ Cọc Sáu
từ 22 - 10 đến 3 - 11 - 1977*

PHỤ LỤC

NƠI NGỌN LỬA THAN ĐÃ CHÁY LÊN

TRẦN NHUẬN MINH

Đó là hình ngọn lửa than cháy đỏ và bay như một cánh buồm, được cách điệu trong biểu trưng của Công ty than Cọc Sáu do một công nhân của mỏ sáng tác. Năm 2001, khi còn là Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Quảng Ninh, tôi được mời làm Đồng Chủ tịch Hội đồng chung khảo để chọn ra một mẫu biểu trưng trong số 6 cái mẫu đã được Hội đồng sơ khảo của mỏ tuyển lựa. Cũng may ý kiến của tôi trùng với ý định đã được chuẩn bị của các đồng chí lãnh đạo mỏ và biểu trưng được chọn rất nhanh. Và bây giờ nó đã hiện lên trên tất cả các phong thư, các mẫu quảng cáo và xuất bản phẩm, như một lời tự giới thiệu đầy trách nhiệm và thiện chí trước tất cả các bè bạn và khách hàng xa gần.

Chẳng hiểu do duyên phận gì, mỏ than Cọc Sáu trở thành một địa chỉ trong quê hương sáng tác của tôi và thực sự trở thành nơi khởi nghiệp cho cuộc đời nghệ thuật của tôi, đặc biệt là ở giai đoạn đầu 1970 - 1980. Tôi đã viết ở đây và viết về mỏ than này, chí ít cũng là 2 tác phẩm. Tập truyện vừa ***Trước mùa mưa bão*** viết tại mỏ Cọc Sáu từ ngày 22/ 10 đến ngày 3/ 11 năm 1977, khoảng 100 trang in và tập thơ ***Âm điệu một vùng đất*** gồm 50 bài. Cả hai đều được bao cấp xuất bản năm 1980 ở Hà Nội và được tặng đến 4 giải thưởng văn học trong 2 năm 1980, 1981. Chính 2 tác phẩm này đã đưa tôi vào Hội Nhà văn Việt Nam năm 1982. Các đồng nghiệp của tôi và một số nhà phê bình nghiên cứu văn học lúc bấy giờ đã thân mật ban tặng tôi một danh hiệu vô cùng cao quý là **Nhà thơ của giai cấp công nhân**. Và tôi là một trong số ít các nhà văn Việt Nam đầu tiên được Tổng Công đoàn trao tặng Bằng và Huy hiệu **Lao động sáng tạo**. Trước bậc thềm Đại hội Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam lần thứ VIII tại Hà Nội, tôi là khách mời của VTV3, đại diện cho đội ngũ các nhà văn viết về giai cấp công nhân tham gia chương trình, cùng với anh hùng lao động nâng vật nặng lên cao

Nguyễn Huyền Chiệc và bác sĩ bệnh viện Từ Dũ TP. Hồ Chí Minh, cấy thai trong ống nghiệm Nguyễn Thị Ngọc Phượng...

Tạ ơn giai cấp công nhân đã ban phước lành cho mình, khi nhận giải A văn học công nhân lần thứ VI, tôi đã tặng lại 50% số tiền thưởng cho con em những người thợ mỏ, còn 50% tặng lại cho các em học sinh ở quê hương tôi. Sau này, khi nhận các giải thưởng văn học khác, tôi cũng tặng tiền thưởng cho các em như thế, từ năm 1986 đến nay. Riêng tập truyện vừa ***Trước mùa mưa bão*** còn được *Thông tấn xã Việt Nam* giới thiệu, trích dịch, in ra và phát hành ở nước ngoài, qua 7 thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Tây Ban Nha, Campuchia và Lào. Và hình ảnh người thợ mỏ ở đây đã được đưa vào sách giáo khoa *Tiếng Việt* lớp 3, lớp 4 phổ thông suốt 20 năm, bây giờ chỉ còn lưu ba đoạn văn ngắn ở phần ngữ pháp và tu từ. Năm 2002, tập truyện được *Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin* tái bản lần thứ tư.

Toàn truyện xoay quanh một việc có thật diễn ra trong nhiều năm, phản ánh những khát khao sáng tạo và chinh phục thiên nhiên với rất nhiều mồ hôi, trí tuệ của những người thợ mỏ Cọc Sáu. Để lấy được hàng chục triệu tấn than lộ thiên chất lượng tốt nhất thế giới ở dưới đáy moong sâu hàng chục mét, sau này là 150 mét dưới mực nước biển, ở bên cạnh biển, họ phải chế tạo ra một cái máy bơm phà có sức bơm lên năm bảy chục mét, sau này là hơn 100 mét cao, trong những đường ống thép lớn luồn qua núi, mỗi ngày đưa hàng ngàn khối nước ra biển. Ấy là chưa kể những khi trời đột ngột mưa như vỡ túi nước, cả cái vòng cung hình phễu 10km vuông, nước trút xuống dữ dội tàn bạo, chỉ trong một vài giờ có thể chìm sâu công sức của hàng nghìn người xuống dưới đáy mênh mông nước quẩn quại đen, như một biển hồ bát ngát đuối tầm mắt ở lưng chừng trời. Có lần sau cơn mưa, nước moong, sâu thẳm đến 80 mét trong đó 10 mét sâu dưới đáy toàn bùn loãng, lấp kín những cái máy xúc, mỗi cái có sức làm việc bằng ba nghìn người. Cuộc đấu trí với thiên nhiên, để có một cái phà bơm vận hành có hiệu quả *trước mùa mưa bão*, và mỏ Cọc Sáu có thể lấy được hàng ngàn tấn than ngay sau những ngày mưa bão, quả thực là một kì công vĩ đại mà những người thợ mỏ Cọc Sáu đã làm được, sau khi cuộc chiến tranh huỷ diệt tàn bạo nhất trong lịch sử vừa mới đi qua...

Tôi đến Cọc Sáu lần đầu vào cuối năm 1969. Tết Nguyên đán năm Tân Hợi (1971), tôi đã có mặt trên tầng cao 280 (cao 280 mét so với mực nước biển) cùng với những người thợ khoan, bóc chiếc bánh

chưng đêm giao thừa trong luồng gió bắc lạnh buốt rợn người lùa vào gian nhà tạm, qua kẽ hở của những tấm tôn ghép lại thành bức tường sau. Tôi đã chứng kiến cảnh họ câu cá ti choòng bị kẹt dưới lòng đất sâu lên, gian khổ nhầy nhụa đất cát là như thế nào, *“người nào người ấy lấm bê bết, y như nông dân làm thuỷ lợi...”*

Những trang văn đã viết trước đây tròn 30 năm. Đây là thực tế sản xuất của một mỏ than lộ thiên thông qua đời sống của một gia đình thợ mỏ, mọi thành viên trong gia đình đều là công nhân mỏ, nối tiếp nhau đến ba đời và đời thứ tư, một em học sinh cấp 2 lớn lên chắc chắn cũng sẽ thành thợ mỏ như ông, bố mẹ và các anh chị của em. Các nhân vật trung tâm đều là những người lớn và không một ai có tì vết gì trong đời sống, trong cả lương tâm. Tất cả được nhìn qua con mắt của một thiếu nhi, bởi em là nhân vật dẫn chuyện.

Mọi vui buồn của từng thành viên trong cái gia đình khá đông người này đều gắn bó chặt chẽ với mỏ, thậm chí với một cơn mưa ở mỏ. Mặc dù đang cảm sốt phải điều trị, nửa đêm, người chủ gia đình đồng thời là phó giám đốc mỏ, đã phải bật dậy, khoác vội áo lên công trường.

Hình như chính tiếng mưa rơi trên mái nhà và hơi lạnh của nước mưa lùa qua cửa sổ, đã làm tôi thức dậy. Tôi quờ tay tìm chăn kéo lên ngực và ngay lúc ấy, tôi chợt hiểu rằng, có một điều gì thật hệ trọng đã xảy ra. Thế là tôi tỉnh hẳn. Tôi ngồi bật dậy...

Giám đốc mỏ Vũ Xuân Hải, tôi mượn tên anh rể tôi. Còn vóc dáng với mái tóc quăn tự nhiên và gương mặt xương xương hốc hác hơn ngày thường, là tôi mô tả trực tiếp về anh Nguyễn Duyệt, giám đốc mỏ Cọc Sáu, những lo toan và công việc cụ thể anh làm, tôi phản ánh gần như đầy đủ và trực diện, mặc dù khi viết về anh, anh đã thôi giám đốc mỏ Cọc Sáu được hơn 6 tháng. Chính anh đã đọc tập bản thảo này và đã chữa cho tôi 2 chữ: *“thanh sắt nguội”* thành *“thanh gỗ lim”*, khi tôi mô tả cánh tay của người thợ già. Nhân vật trung tâm trong tập truyện là phó giám đốc Kiều Quang Tính, tôi mượn hình ảnh anh Nguyễn Viết Hoà, phó giám đốc mỏ Cọc Sáu, với một đoạn *trích ngang*, tôi lấy ra từ tiểu sử cá nhân của anh.

Các nhân vật đều đi song đôi. Đôi bạn học sinh là Tịnh (trong tác phẩm, nhân vật này xưng tôi) và Cường. Nhân vật Cường, mượn tên một anh bạn tôi là Võ Bá Cường thợ điện ở Cọc Sáu, hội viên sáng tác kịch của Hội Văn học Nghệ thuật Quảng Ninh. Những ngày tôi về mỏ, anh thường qua chơi với tôi và tôi cũng vài lần đến chỗ làm việc của anh ở

trạm điện lưng chừng dốc lên moong Tả Ngạn. Tôi đã mô tả trạm điện này trong tác phẩm và biểu dương nguyện vọng của Cường: làm một thợ điện thật giỏi để cứu mỏ trong những cơn mưa bất thường. Bây giờ cái trạm điện ấy cũng đã chuyển đi rồi.

Đôi bạn thanh niên là Kiều Quang Tĩnh lái xe bò tốt và Nguyễn Tùng Linh, kĩ sư trưởng. Nhân vật Nguyễn Tùng Linh, tôi mượn tên nhà thơ công nhân Nguyễn Tùng Linh, còn giọng nói và cử chỉ, tôi mô tả rất cụ thể những hình ảnh mà tôi quan sát được của Hồ Linh, cán bộ phiên dịch cho chuyên gia Liên Xô ở mỏ Cọc Sáu: *Trong lúc kĩ sư trưởng nói chuyện với ông tôi, tôi thấy chú có một nét đặc biệt là rất thích bắt tay. Cứ mỗi câu ông tôi nói vừa ý chú, chú lại bắt tay một cái. Tôi không biết câu chuyện diễn biến thế nào, chỉ thấy chốc chốc hai người lại túm lấy tay nhau.*

Đôi bạn trung niên sau này thông gia với nhau là phó giám đốc Kiều Quang Tính (mà tôi đã nói ở trên) và ông Tư Máy Xúc - tôi mượn hình ảnh từ thành tích của anh hùng lao động ở mỏ Cọc Sáu là Vũ Xuân Thuỷ. Từ năm 1961 đến 1965, Vũ Xuân Thuỷ đã đưa năng suất máy xúc loại 4 mét khối 1 gầu, từ 6000 mét khối 1 ngày lên bình quân 6500 mét khối 1 ngày, giảm chu kì xúc 1 gầu từ 30 giây xuống còn 22 giây. *Khi làm việc, mọi động tác của ông đều chính xác, linh hoạt, khoan thai, không có động tác thừa. Năng suất của ông cao hơn hẳn những người lái máy xúc giỏi khác... Ngày 15 tháng 11 năm 1968, ông là một trong số những người thợ mỏ được gặp Bác Hồ ở Phủ Chủ tịch. Ngày ấy bây giờ thành ngày hội về vang ở vùng mỏ, sau ngày đình công thắng lợi 13 tháng 11 năm 1936. Đối với ông, đấy là một kỉ niệm đẹp nhất mà ông vẫn tự hào. Từ ấy, tên ông được mọi người kính trọng, gọi ghép với tên nghề là ông Tư Máy Xúc.*

Hai ông thợ già là Kiều Quang Tĩnh và Tư Đặc, một thợ cơ khí, một thợ nổ mìn, cả hai đều là thợ giỏi thời Tây. Ông Kiều Quang Tĩnh, tôi mượn nhiều chi tiết, từ vóc dáng đến cử chỉ thân thuộc của bố vợ tôi, còn ông Tư Đặc là một nhân vật hư cấu, ông bị mật thám Pháp chọc mù mắt, sau đó làm nghề hoạn lợn. Nhà văn Võ Huy Tâm có lần kể cho tôi nghe là ở Cẩm Phả, có một ông già mù mà thiến lợn giỏi lắm, thế là tôi hình dung ra nhân vật này và đưa vào đây cho đủ bộ các thể hệ thợ, với ý muốn khái quát một đôi nét gì đó trong quá trình hình thành và phát triển của giai cấp công nhân ở Việt Nam. Còn ở mỏ Cọc Sáu thành lập ngày 1 tháng 8 năm 1960, tôi không biết có thợ thời Tây hay không? Trong tác phẩm, còn có hai cha con cô thợ hàn rất giỏi nghề, nâng nghề

thành một nghệ thuật ở mỏ Cọc Sáu là cha con cô Thuỷ mà giám đốc Trần Ngọc Thư vào khoảng đầu năm 1972, đã giới thiệu với tôi. Tôi để nguyên tên, và biểu dương cô qua lời một ông thợ già: *Nó mới vào nghề hàn, vậy mà nó hàn thế nào, ông có biết không? Tôi đã quai vào mối hàn của nó đến năm nhát búa cật lực, tuyệt nhiên không có một vết rạn. Tiếng búa nghe trong như tiếng khánh bạc. Bong lớp nhũ ra rồi, đường hàn mới đẹp làm sao. Chúng xếp lên nhau như vảy cá chép, nét mềm và dịu lảm. Đúng là đường hàn của con gái. Thử hỏi thời Tây, có được mấy thợ hàn giỏi đến như thế...*

Vào khoảng tháng 2 hay tháng 3 năm 1972, một anh cán bộ đoàn mỏ đã đưa tôi lên công trường gặp cô Thuỷ. Cô bỏ mặt nạ xuống, tiếp chuyện tôi chỉ có mấy phút nhưng đã để lại trong tôi nhiều ấn tượng đẹp, đến nỗi 5 năm sau, dù không một lần gặp lại cô, tôi vẫn tưởng tượng ra để viết về cô trong tập truyện này và trong 2 bài thơ ở tập ***Âm điệu một vùng đất***. Đây là lời một anh thợ trẻ dẫn cô thợ hàn về quê, giới thiệu cô với mẹ mình, một bà mẹ già, mắt mờ chân chậm, cũng do tôi tưởng tượng ra:

*Chúng con gặp nhau ở Vùng Mỏ
Bạn con thợ hàn, con thợ gõ
Cùng một công trường nghĩa là rất gần nhau
Cách khoảng năm lần từ đây ra đến gốc cau...
Chúng con yêu nhau, mẹ có ưng không
Bạn con đấy rất là hiền, mẹ ạ
Biết tằm trầu và biết khâu vá
Biết nấu canh cua đồng với rau mùng tơi...*

Thợ gõ là thợ cơ khí gõ ghét cho bong rỉ sắt để sơn lại hay để hàn. Bây giờ viết lại, có thể tôi sẽ viết khác. Nhưng cái trong trẻo hồn nhiên của thời ấy, cái tận tụy gắn bó hết mình cho sự phát triển của mỏ, tự nguyện hoà toàn bộ cuộc đời mình vào những vui buồn của cả cộng đồng, sẵn sàng *đổ đến giọt mồ hôi cuối cùng cho sự nghiệp của giai cấp công nhân*, những phẩm chất ấy của cán bộ và công nhân Cọc Sáu thì nay chưa chắc tôi đã thuật lại được. Những năm gần đây, tôi vẫn lên tầng xuống moong với Cọc Sáu, cảnh vật đã khác, con người đã khác và cả cái không khí cũng đã khác lắm rồi. Cái lòng moong hùng vĩ và sôi động ngày nào:

*Em hình dung cảnh này không
Đèn pha đan chéo xe vòng lên cao
Chính anh nào phải ai nào
Lái xe giữa một trời sao chín đầy...
Và:
Tưởng như những ánh đèn pha
Làm nên một giải Ngân Hà đêm nay...*

Bây giờ cảnh trên công trường thưa vắng lắm. Có gì đâu, mỏ đã chuyển hướng khai thác sang phía Đông Bắc và đường kính của cái hình phễu cực lớn ấy phải nói rộng ra đến 4km nữa. Cái lòng moong đã hoàn thành công việc của nó rồi, ở độ sâu 150 mét lộ thiên dưới mực nước biển. Ngày 11 tháng 3 năm 2005, giám đốc công ty than Cọc Sáu Nguyễn Quang Kiệm đã ban hành quyết định số 1148/QĐ-KTKT tạm dừng khai thác than ở đáy moong, sau 45 năm kể từ ngày mở mỏ, đã lấy lên 59 triệu tấn than cho Tổ quốc. Vào lúc 18 giờ, ngày 13 tháng 3 năm 2005, tức ngày 04 tháng 02 năm Ất Dậu, một ngày trang trọng và tung bừng thật đáng nhớ trong lịch sử phát triển của mỏ, hệ thống phà bơm ở đáy mỏ đã được tháo dỡ và khối bê tông lớn, kỉ vật gửi lại trong lòng đất sâu cho các thế hệ thợ mỏ tương lai, với những dòng chữ khắc chìm dát nhũ vàng: *Công ty than Cọc Sáu, thành lập ngày 1-8-1960, các thế hệ cán bộ công nhân đã khai thác 59 triệu tấn than, tới độ sâu âm 150 mét, đặt trên bờ moong, đã được cánh tay gầu của một chiếc máy xúc lớn gạt xuống đáy mỏ.*

Với 59 triệu trong tổng số 60 triệu 200 ngàn tấn than khai thác trong suốt 45 năm, moong Tả Ngạn với đáy sâu là Động Tụ Bắc, chính là hiện thân lịch sử anh hùng của 14 ngàn lượt thợ mỏ Cọc Sáu. Những người nhận thẻ lao động những ngày này đều có số báo danh trên 14 ngàn, dù số thợ hiện nay ở mỏ Cọc Sáu là 4296 người.

Tôi nhớ vào một ngày rất trọng thể của năm 1975, chào mừng thắng lợi Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, toàn mỏ Cọc Sáu sôi nổi bàn luận và hạ quyết tâm xuống moong, (tức là khai thác than lộ thiên xuống dưới mực nước biển) và dòng chữ vàng trên nền vải đỏ đầy khích lệ căng lên rực rỡ bên lề đường: **Cứ đưa được máy xúc xuống sâu dưới không là mỏ chúng ta sẽ có tất cả.** Dòng chữ ấy 2 năm sau, trở thành tên 1 chương trong *Trước mùa mưa bão* của tôi.

Tất cả mọi cư dân của Cọc Sáu, từ đứa trẻ đang vào lớp học đến ông thợ già thời Tây, đều náo nức muốn góp sức mình cho bước phát triển mới, có tính đột biến này của mỏ và điều đó diễn ra hằng ngày ở mọi gia đình với những biểu hiện vô cùng giản dị, vô cùng tự nhiên như cơm ăn, nước uống và khí trời.

Ông tôi cười khà khà, tiếng cười hồn hậu lạ. Ông vui vẻ giục tôi:

- Cháu Tịnh, chữ cháu đẹp lắm đấy. Cháu thảo hộ ông cái đơn nào.

Tôi lấy tờ giấy to và sạch, rồi ngồi vào bàn học. Ông đồng dục đọc:

- Tên tôi là Kiều Quang Tình, thợ gò hàn bậc bảy trên bảy (7/7) đã về hưu, sức còn khoẻ... - Ông nhấn mạnh ba tiếng "sức còn khoẻ", rồi quay lại hỏi bố tôi: - Này, có cần phải nói là tao không vui vẻ gì, khi nhận đồng tiền hưu không nhỉ?

Không cần - bố tôi đáp.

Nhưng rất cần - ông đọc tiếp - đi làm, để cùng với anh chị em khác, quyết đưa máy xúc xuống sâu dưới không, để mỏ chúng ta sẽ có tất cả...

- Câu dưới dài dòng quá - Tôi nhận xét.

- Dài là dài cái gì? Hả? Ông dẫn giọng. Xong chưa?

- Xong rồi a!

- Được! - Ông tôi ngắm nghía cái đơn một thoáng, có vẻ hài lòng lắm, rồi cầm cây bút của tôi, cúi xuống ký, rất là trịnh trọng. Chữ ký chỉ vẻn vẹn có một dấu + hay là tương tự như thế.

Những đứa trẻ sinh ra ở Cọc Sáu từ sau ngày đóng moong Động Tu Bắc, 13/ 3/2005, lớn lên chắc chắn sẽ có đời sống vật chất và tinh thần cao hơn rất nhiều so với các thế hệ trước. Làm sao chúng có thể hiểu được trong hơn 30 năm trời, cha ông chúng đã phải vật lộn với bao nhiêu trắc trở khó khăn trong việc xuống thấp như thế nào để tự nâng cao phẩm giá của chính mình và của cả thời mình đang sống.

Moong đã xuống sâu đến 45 mét dưới mực nước biển. Nờm nượp xe xuống, xe lên, theo đường xoáy tròn ốc, tất cả đều nhỏ bé và sinh động lạ lùng. Vang rền trong moong là một âm thanh tổng hợp, ầm ầm, ào ào như ong vỡ tổ...

Xe đã xuống sâu. Vàng trắng đã khuất hẳn sau đỉnh núi cao phía bên kia bờ moong, ánh sáng âm âm như trong đêm nguyệt thực. Gió lùa vào cửa xe rà rà.

Xe dừng lại trước ngôi nhà mà ở tầng trên, tôi đã trông thấy như một quyển sách màu nâu. Đây là văn phòng công trường bom, vừa mới thành lập.

Tôi bước xuống xe và ông tôi cũng bất ngờ nhô ra từ phía sau ngói nhà màu nâu đỏ. Suốt đời, có lẽ tôi không sao quên được cái ấn tượng lúc ấy, khi ông tôi đột ngột hiện ra trong ánh sáng chói ngời của ngọn đèn 500 oát bảo vệ cạnh văn phòng. Ông đội mũ lá, mặc áo khoác không cài khuy, vạt áo loà xoà, người như thấp hẳn xuống, đầu gối choãi ra, bước khệ nệ. Ông đang khênh một đoạn ống thép, to và dài, một mình ông khênh đầu, ở giữa có hai người, còn ba người khênh cuối... Lưng ông oằn xuống... Trông thấy tôi, ông quát luôn:

- Lui! Lui!

Ngày 22/ 12/ 2005, Cọc Sáu hoàn thành kế hoạch năm 2005 và tổ chức trọng thể lễ mừng đón tấn than thứ 3 triệu. Và để có 3 triệu tấn than, Cọc Sáu đã phải bóc 20 triệu 500 ngàn mét khối đất đá. Đây là năm có sản lượng than cao nhất, gấp đôi công suất thiết kế tối đa ban đầu của các chuyên gia Liên Xô (từ 1 đến 1,5 triệu tấn/ năm và dừng lại ở độ sâu âm 120 mét). Phó giám đốc công ty Trần Công Cây nói:

Những năm gần đây, bình quân mỗi năm, chúng tôi sản xuất 2 triệu 500 ngàn tấn than, bóc đất đá 14 triệu 475 ngàn mét khối. Từ nay đến 2010, chúng tôi sẽ lần lượt xuống sâu đến 210 rồi 255 mét hoặc hơn nữa dưới mực nước biển. Lại phải tính đến hệ thống phà bơm để xử lí: *Ba phần nước trời một phần nước đất/ Bơm phà không nhanh, máy ngập*, như hai câu thơ anh đã viết cách đây mấy chục năm. Tỷ lệ bóc đất đá buộc phải chấp nhận cao hơn nhiều, từ 8 đến 10 mét khối cho mỗi tấn than. Như vậy mỗi năm, phải bốc hót đến 23 triệu mét khối đất đá. Rồi hoàn nguyên đất đai, bảo vệ môi trường...

Bây giờ về Cọc Sáu, không phải ai cũng nhận ra, văn phòng công ty than xưa, nay là nhà điều dưỡng công nhân và quốc lộ 18A, đoạn chạy qua trước mặt mỏ Cọc Sáu xưa, nay đã nằm sâu bên trong tầng tầng đất đá của bãi thải. Cả một vùng đất xanh tươi và trù phú bạt ngàn của công ty than Cao Sơn hiện nay là một phần vịnh Bái Tử Long ngày nào. Cùng với khai thác than, những người thợ mỏ đã đào núi và lấp biển, thay đổi diện mạo của cả một miền đất.

Tôi biết trong thời gian tới, công ti sẽ sắp xếp để cổ phần hoá doanh nghiệp. Như vậy một chặng đường mới sẽ lại bắt đầu. Cùng với việc hoàn thiện công nghệ khai thác phù hợp với tốc độ xuống sâu và mở rộng bờ mỏ, công ti phải hiện đại hoá các thiết bị khai thác, đầu tư các loại xe ô tô có trọng tải lớn từ 8 tấn trở lên, các loại máy xúc có dung

tích gầu lớn trên dưới 10 mét khối một gầu và đảm bảo thật chặt chẽ các chỉ số kỹ thuật an toàn lao động...

Tôi trở lại dãy nhà từng là phòng khách của văn phòng mỏ Cọc Sáu xưa, bây giờ là nơi làm việc của phân xưởng phục vụ, với những thợ mộc, thợ nề... Tôi không nhận ra gian nhà nào tôi đã từng ở và viết nhiều bài thơ trong tập **Âm điệu một vùng đất** và đặc biệt viết liền một hơi như bị thôi miên, để tập truyện vừa **Trước mùa mưa bão** khoảng 100 trang in, hoàn thành chỉ trong có 13 ngày, nhiều trang tôi đã viết trong nước mắt...

Chắc là ông đã nói riêng với mẹ tôi những điều gì đó khi bảo tôi ra ngoài. Lúc vào phòng, tôi thấy mẹ tôi nước mắt lã chã:

- Bố ơi, bố lẫn mất rồi!

Ông khẽ lắc đầu:

- Không, con ạ, bố không lẫn đâu!... Bố nhật được thằng Tính ở chợ Sắt, Hải Phòng. Bây giờ... Bố như vẫn còn trông thấy nó, mới chừng ba tuổi, đứng khóc ở góc chợ... Mẹ con thương thằng Tính lắm, dặn bố không được nói với ai... Bố xin lỗi mẹ để nói với riêng con... Bởi bố muốn lòng mình... thanh thản... Bố hy vọng... biết đâu sẽ có ngày... vợ chồng con cháu con, tìm lại được gia đình...

Mẹ tôi nghẹn ngào, cố nuốt tiếng khóc. Còn ông thì đột ngột ngừng lời. Rồi ông lại lẩm nhẩm không biết nói những gì. Lần này, ông như đang nói với một người tưởng tượng, giọng ông trầm thì, xuýt xoa... Hình như ông đang nói với bà chằng?... Ông mỉm cười rất lạ lùng, một kiểu cười vừa ranh mãnh, vừa ngây dại mà tôi chưa bao giờ thấy ở ông. Ánh mắt ông nhạt dần. Người ông vẫn nóng rực. Và ông gầy rộc đi rất nhanh.

Trong khoảng sáng mung lung của công trường, nhìn qua khung cửa sổ, tôi bỗng nhận ra bóng dáng của một người con gái, đang tất tả đi, gần như chạy gẫn, về phía tôi. Đó là chị Thủy. Chị lao vào phòng, hơi thở hổn hển, mặt tái xám, không rõ vì mệt hay vì xúc động. Chị gọi ông một tiếng. Một tiếng rất nhỏ lẫn trong hơi thở. Vậy mà ông lại nhận ra. Hình như có một sức mạnh ghê gớm nào đó, trong tiếng gọi mơ hồ của chị, làm ông bừng tỉnh khỏi cơn mộng mị u ám và nặng nề. Ông bỗng quay đầu về phía chị rất nhanh.

- Ông ơi! Cháu đây mà. Cái Thủy đây! Cái Thủy đây!

Ông tôi chớp chớp mắt.

- Kỹ sư trưởng bảo cháu đến ngay báo cho ông biết. Ông có nghe được không?

Ông tôi khẽ gật gật, hay đại khái là tôi hiểu như thế.

- Máy bơm đã khởi động. Áp suất tăng vọt lên chín át-mốt-phe, mà khớp, đường ống và các mối hàn đều chịu được. Phà đã nổi rồi! Nổi rồi! Ông có nghe được không? Phà đã nổi rồi!

Ông tôi nhếch mép như cười. Gương mặt bỗng chốc phơn phớt hồng, như có một luồng ánh sáng hư ảo chạy qua, dưới làn da đã bắt đầu khô. Ánh mắt ông bừng lên những tia sáng cuối cùng, rùng rục, chói lói, sắc nhọn, cháy bỏng. Trong ánh mắt ấy, tôi nhận ra một niềm vui dịu ngọt trong lành mà tôi không thể nào diễn tả được.

Cũng lúc ấy, qua khung cửa sổ, tôi chợt nhận ra chiếc xe con quen thuộc của mẹ. Chiếc xe quay vào sân bệnh viện và dừng lại. Bố tôi bước xuống, vẻ mặt lo lắng. Tôi bỗng kêu to:

- Bố!

Ông tôi bỗng nức lên một tiếng, đầu ngửa hẳn ra...

Không biết đến bây giờ, sau 30 năm, đọc lại, những trang sách này, có còn làm bạn đọc cảm động được không? Tất nhiên, những chi tiết đời sống dù có thực, những con người dù có để nguyên tên, tôi vẫn sáng tạo lại theo yêu cầu của nghệ thuật. Cũng có vài tình huống, tôi hoàn toàn hư cấu vì sự phát triển của cốt truyện, cần được bạn đọc cảm thông, nhất là những người trong cuộc...

Bất giác tôi ngẩng lên tầng. Bầu trời lại xanh màu lá mạ. Những đám mây mỏng nhẹ và trắng tinh như cánh của những con chim thiên nga huyền thoại từ 36 năm trước đã lại bay về. Và tôi như còn nhìn thấy bóng dáng thân thuộc của em, cô vẫy đầu đường, đã ít nhất một lần hiện lên trong một bài thơ của tôi năm 1970: ***Đêm cưới cô vẫy đầu đường lấy anh chàng lái xe bò tốt.***

Có anh ngạc nhiên thấy cô vẫy đầu đường

Đêm nay bỗng sao xinh đẹp thế

Vóc dáng cô hình như nhỏ bé

Một chút thôi so với lúc thường

Với lúc cô đứng vẫy đầu đường

Cho các anh chàng dốc ben đổ đá

Bóng cô nàng in lên nền trời lá mạ

Tinh khiết như một câu ca dao...

Câu ca dao ấy, người huyện Thanh Hà, gần với quê tôi, huyện Nam Sách (Hải Dương) một thời hai huyện nhập làm một, có tên là huyện Nam Thanh, vì thế quen cô, vài lần tôi vào thăm nhà... Khi cô sắp thành lập gia đình, mẹ cô bóng gió hỏi tôi có ý định gì với em không?...

Bảy năm sau, tôi đến thăm lại, mới hay là em đã về quê chồng từ mấy năm trước rồi...

Trong tập truyện của mình, tôi để nguyên cả họ tên của em là Phạm Thị Yến: *Chị ít nói, tiếng nói nghe dịu và nhẹ. Mái tóc đen mềm của chị dài vừa chấm gấu chiếc áo xanh màu trứng sáo chị thường mặc và mô tả rất thật nơi em làm việc trong quầng sáng mờ đục của bụi, của ngọn đèn tái nhợt ở đầu đường và của các vệt đèn pha sáng quắc, quất ngang dọc vào mắt...*

Bây giờ em ở đâu? Chẳng biết vào lúc nào, tôi đã nhận ra rằng: em cũng là một trong những *Ngọn Lửa Than* đã *Day dứt cháy suốt cuộc đời giông gió* trong tâm hồn tôi, gắn bó những trang viết và một phần cuộc đời tôi với mỏ than Cọc Sáu...

13.4.2006

Nguồn: Báo Văn Nghệ, 2006

TRUYỆN VỪA

* * *

TRƯỚC MÙA MƯA BÃO

Trần Nhuận Minh

* * *

Biên tập,

Hiệu đính

Lê Thanh Minh

Trình bày, bìa, tạo Ebook

matthoigian2001@

* * *

Copyright © Tác giả và Rạng Đông giữ Bản quyền



Rạng Đông
phát hành

Chú thích

[←1]

Đốc công, hoặc quản đốc ở các mỏ than, ở đây là người Pháp, trong đó. một số là mật thám Pháp.

[←2]

Mũi thép làm bằng hợp kim hạng nhất, ở đầu khoan, có tác dụng đập cho đá vỡ ra trong lòng đất.